

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA UBCK. NHÀ NƯỚC VÀ WEBSITE CÔNG TY**

**(BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN - NĂM 2025)**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Quý cổ đông Công ty CP Đồng Tiến

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Trụ sở chính: Lô 247, Đường số 12, Khu CN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai.

Điện thoại: 0251. 3682248 Fax: /

Người thực hiện công bố thông tin: Ông NGUYỄN VĂN HOÀNG - Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu CN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai.

Điện thoại (di động, cơ quan): 0888840059.

Loại thông tin công bố:  24h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Báo cáo thường niên Công ty cổ phần Đồng Tiến – năm 2025, theo văn bản số: 94/ĐT-BCTN, ngày 18 / 4 / 2026.

Đính kèm văn bản này là bản chính Báo cáo thường niên Công ty cổ phần Đồng Tiến – năm 2025, theo văn bản số: 94/ĐT-BCTN, ngày 18/ 4 / 2026 để báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, quý cổ đông và các bên liên quan theo quy định.

\*\*\*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đồng Nai, ngày 18 tháng 4 năm 2026

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS; Ban TGD;
- Đăng IDS và Web Cty;
- Lưu VT, P.TCHC, TCKT, TK.HĐQT.



*Nguyễn Văn Hoàng*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**Tên Công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN****Năm báo cáo: 2025**(Theo Mẫu: Phụ lục IV - Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Kính gửi: - UBCK Nhà nước

- Quý cổ đông Công ty CP Đồng Tiến và các bên liên quan

**I. THÔNG TIN CHUNG:****1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN – (“DOVITEC”)
- Giấy CNĐK.DN số : 3600259810
- Vốn điều lệ : 57.374.840.000 đồng.
- Vốn đầu tư của CSH : 57.374.840.000 đồng.
- Địa chỉ : Lô 247 - Đường số 12, KCN Amata, P. Long Bình, T.Đồng Nai
- Điện thoại : (+84.251). 3682248 - Fax: (+84.251). 3682245
- E-mail : [info@dovitec.com.vn](mailto:info@dovitec.com.vn) - Website: [www.dovitec.com.vn](http://www.dovitec.com.vn)
- Mã cổ phiếu : /

**\* Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty CP Đồng Tiến, tiền thân là một Xưởng may thuộc Công nghệ phẩm Đồng Nai – Sở Công Thương Đồng Nai, sau đó được liên doanh với Công ty May Việt Tiến (Tp. HCM) – Thuộc Bộ Công Thương để thành lập Xí nghiệp liên doanh May Đồng Tiến vào năm 1989 với vốn điều lệ 1,29 tỷ đồng, chuyên ngành sản xuất hàng may mặc xuất khẩu.

Năm 1992, Xí nghiệp được đổi tên thành Công ty TNHH May Đồng Tiến – Giấy phép số 02/GP-UBT.

Năm 2003 chính chức công bố thương hiệu Dovitec và nâng vốn Điều lệ lên 5,357 tỷ VNĐ.

Năm 2007 Dovitec được cổ phần hóa và lấy tên là Công ty cổ phần Đồng Tiến, gồm 2 cổ đông tổ chức là Tổng Công ty cổ phần May Việt Tiến (26%) và Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai (25%), 49% vốn còn lại của chủ yếu các cổ đông cá nhân là cán bộ công nhân viên của Việt Tiến và Đồng Tiến; khi cổ phần hoá, công ty có vốn điều lệ: 17 tỷ VNĐ và trở thành Công ty đại chúng năm 2008.

Từ năm 2006 – 2016, Dovitec có quá trình tăng vốn Điều lệ từ 17 tỷ lên 25,5 tỷ (2008), 38,25 tỷ (2012) và 57,374 tỷ (2016).

Năm 2017, Dovitec di dời Trụ sở chính và Nhà máy vào Khu Công nghiệp Amata, Biên Hoà với cơ sở sản xuất mới, xây dựng theo xu hướng nhà máy xanh, công nghệ hiện đại và tăng năng lực sản xuất, thời điểm này Công ty có tổng số lao động tăng lên toàn Công ty đạt 4000 người.

Tháng 01/2019 Công ty đưa vào hoạt động Dự án Nhà máy xanh – Xí nghiệp May 3 và đến Tháng 07/2029 thay đổi đại diện theo pháp luật, hoạt động của Công ty năm 2019 có mức tăng trưởng về doanh thu 7%, lợi nhuận 11% và vốn chủ sở hữu 12%, so cùng kỳ.

Từ 2019 đến nay, Công ty vẫn tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, vượt qua khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 và suy thoái thị trường tiêu thụ hàng hoá năm 2023; đồng thời định hướng “phát triển bền vững” và tiếp tục hợp tác với khách hàng chiến lược của Pháp cùng một số thương hiệu khác để sản xuất hàng xuất khẩu đi các thị trường chính: EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ và Trung Quốc,...

Trong đó, năm 2025 Công ty đạt được nhiều thành tựu, hiệu quả về doanh thu CM, lợi nhuận, lao động, năng suất lao động và phát triển bền vững - đạt Nhà máy xanh thứ 2 tại Khu CN Amata.

\* **Các sự kiện khác:** Không.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh** (ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính):

May trang phục –1410 (chính); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (4659); bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (4669); bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (4649); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (6810); cho thuê xe có động cơ (7710); vận tải hàng hoá bằng đường bộ (4933); sản xuất điện (3511); truyền tải và phân phối điện (3512); bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (4641).

- **Địa bàn kinh doanh** (địa bàn hoạt động kinh doanh chính):

+ Trụ sở chính Công ty và nhà máy (Xí nghiệp May 1 và Xí nghiệp May 2): Lô 247, Đường số 12, Khu CN Amata, p. Long Bình, t. Đồng Nai.

+ Chi nhánh Công ty CP Đồng Tiến – Xí nghiệp May 3: Đường Lê Duẩn, Khu phố 4, xã Trảng Bom, t. Đồng Nai.

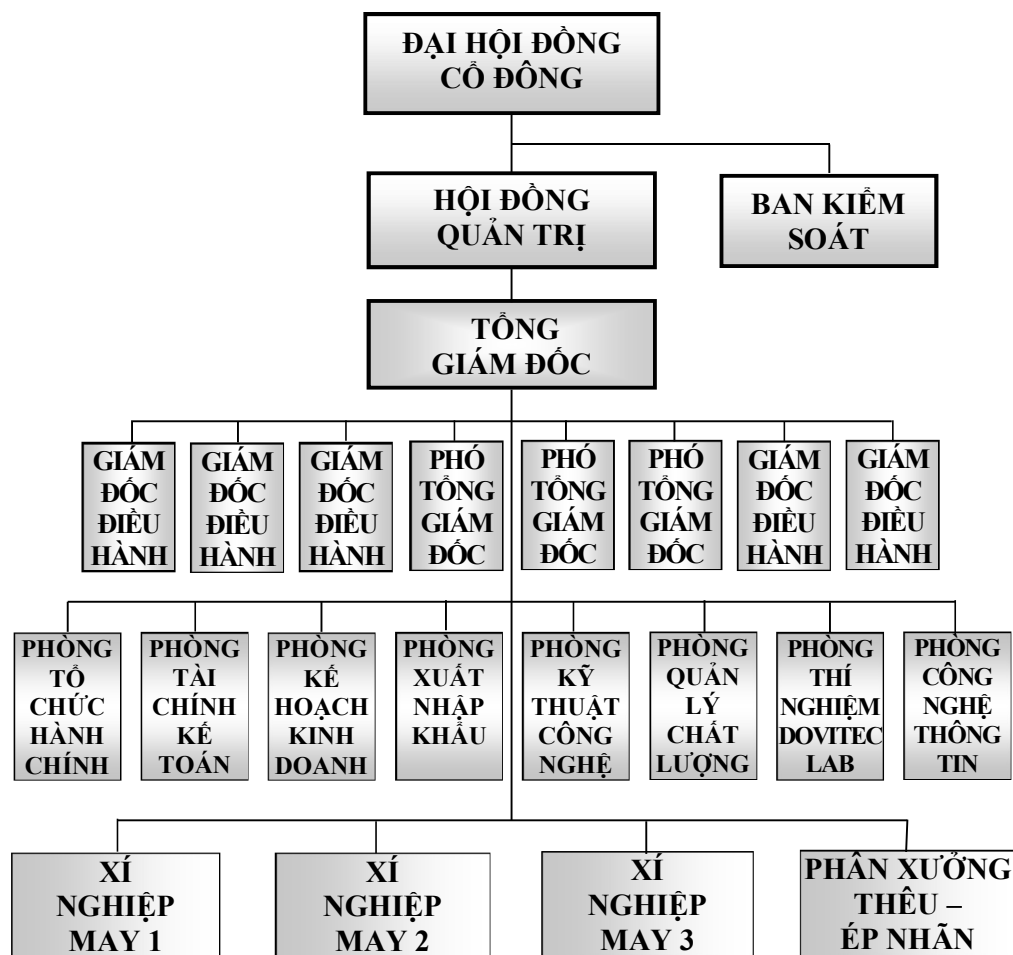
## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- **Mô hình quản trị:**

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.

Công ty cổ phần Đồng Tiến hoạt động theo quy định Công ty đại chúng nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch chứng khoán. Công ty hoạt động có thành viên hạch toán phụ thuộc (Chi nhánh – Xí nghiệp sản xuất) và thành viên liên kết hạch toán độc lập.

- **Cơ cấu bộ máy quản lý:** Tổ chức bộ máy quản trị và điều hành Công ty như sau:



**- Các công ty con, công ty liên kết (hạch toán độc lập):**

<b>S tt</b>	<b>Tên Công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Lĩnh vực SXXD chính</b>	<b>Vốn điều lệ thực góp (Tỷ đồng)</b>	<b>Tỷ lệ % sở hữu của Dovitec</b>
1	CTCP Đồng Phú Cường ( <i>liên kết</i> )	Lô B1 – Cụm CN Phú Cường, xã Thống Nhất, t. Đồng Nai	May trang phục	19,17 / (VĐL 77,25)	26,67%
2	CTCP Đồng Phú Bình ( <i>liên kết</i> )	Lô K, – Cụm CN Phú Cường, xã Thống Nhất, t. Đồng Nai	Đầu tư xây dựng, kinh doanh kỹ thuật hạ tầng	11 / (VĐL 25)	44%
3	CTCP đầu tư và phát triển Bình Thắng ( <i>liên kết</i> )	Số 7 – Lê Minh Xuân, phường Tân Sơn Nhất, Tp.HCM	Kinh doanh bất động sản, hạ tầng công nghiệp	6,53 / (VĐL 32)	20,4%
4	CTCP nguyên phụ liệu dệt may Bình An ( <i>lquan</i> )	127, Lê Văn Chí, phường Linh Xuân, Tp.HCM	Nguyên phụ liệu dệt may	2 / (VĐL 111)	1,8%
<b>Tổng giá trị góp vốn</b>				<b>38,713</b>	

**4. Định hướng phát triển:**

**- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- + Tăng trưởng bình quân hàng năm (*GTSXCN, Doanh thu*) từ 10 đến 15%.
- + Hiệu quả SXXD: Duy trì có lợi nhuận tích lũy dương, bảo toàn và phát triển vốn.
- + Tạo công ăn việc làm, an sinh xã hội; tăng thu nhập lao động đáp ứng theo năng suất.

**- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

+ Về ngành nghề kinh doanh: Tiếp tục kinh doanh ngành may mặc làm nền tảng, trên cơ sở duy trì phương thức kinh doanh đang có hiệu quả nhất cho doanh nghiệp (CM), phát triển phương thức kinh doanh hàng xuất khẩu bán đứt (FOB), tiến tới thực hiện chuỗi giá trị may mặc ODM/OBM, trong đó dần chủ động phát triển trước ODM nội địa.

+ Phát triển thành Công ty kinh doanh đa ngành nghề, trên cơ sở góp vốn đầu tư vào chuỗi cung ứng sản phẩm dệt may (nguyên phụ liệu dệt may), khai thác dịch vụ (thí nghiệm dệt may) và các ngành phát triển, khai thác bất động sản công nghiệp.

+ Về thị trường: Duy trì khách hàng truyền thống và linh hoạt từng bước cân bằng 3 thị trường xuất khẩu chính: EU, Nhật bản, Hoa Kỳ; mở rộng thị trường Trung Quốc; đồng thời, quan tâm phát triển thị trường nội địa với thương hiệu riêng của Công ty.

+ Về nguồn nhân lực và quản trị doanh nghiệp: Tăng cường đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý trẻ, giỏi, làm việc theo phong cách quản lý hiện đại kết hợp và kế thừa đội ngũ quản lý có kinh nghiệm; áp dụng các biện pháp quản lý mới, tinh gọn, hiệu quả; duy trì hệ thống quản lý về cơ bản và liên tục cải tiến để phát huy hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Về chính sách đối với người lao động: Phát huy chính sách đãi ngộ, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và liên tục cải thiện điều kiện lao động ngày càng tốt hơn cho người lao động; đồng thời tăng cường thực hiện kỷ luật lao động. Tập trung cải cách mạnh về chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi để đảm bảo duy trì và giữ chân nguồn nhân lực.

+ Về công nghệ: Quy chuẩn hóa về công nghệ (IE) trong sản xuất; xây dựng nhà máy thông minh, ứng dụng AI, robot trong sản xuất và chuyển đổi số tất cả các quy trình công nghệ và quy trình hoạt động kinh của doanh nghiệp.

**- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:**

+ Đảm bảo hài hòa lợi ích các bên theo 3Ps: Con người (*người lao động, cộng đồng dân cư*)/People – Lợi ích (*lợi nhuận công ty, lợi cho cổ đông*)/Profit – Môi trường (*bảo vệ môi trường, xanh hoá*)/Planet, để Công ty phát triển bền vững.

+ “*Chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và sản xuất thông minh*” là mục tiêu chiến lược và tất yếu của Công ty.

### 5. Các rủi ro:

- + Rủi ro tín dụng (*Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán – Trang 39, mục VIII.5.*).
- + Rủi ro thanh khoản (*Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán – Trang 39, mục VIII.6.*).
- + Rủi ro thị trường (*Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán – Trang 40, mục VIII.7.*).
- + Ngoài ra, trong quá trình hoạt động thời gian qua Công ty gặp phải những rủi ro bất thường, như: Chiến tranh thương mại giữa các cường quốc, chính sách áp thuế bảo hộ sản xuất nội địa và chiến tranh, xung đột quân sự trên thế giới,... ảnh hưởng đến nguồn cung nguyên phụ liệu và chuỗi cung ứng toàn cầu.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

#### - **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:**

\* Tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh một số chỉ tiêu chính đạt được trong năm qua so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu cùng kỳ năm trước như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	So với kế hoạch năm 2025	So với năm 2024
1. Doanh thu gia công	Triệu USD	23,9	24,7	26,9	109%	113%
2. Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	1.868	1.900	2.085	110%	112%
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	66,43	70	178,7	255%	269%
4. Khấu hao	Tỷ đồng	33,7	30	23,9	80%	71%
5. Đầu tư	Tỷ đồng	40,9	35	37,2	106%	91%
6. Năng suất lao động	USD/ người/ tháng	702	715	722	101%	103%
7. Lao động DS bình quân	Người	3.274	3.400	3.559	105%	109%
8. Thu nhập bình quân (gồm thưởng Tết Nguyên đán)	Tr đồng/ người/ tháng	12,2	12,5	13,4	107%	110%

#### - **Tình hình thực hiện so với kế hoạch và cùng kỳ:**

+ Các chỉ tiêu tăng trưởng về doanh thu gia công (CM), doanh thu bán hàng và cung ứng dịch vụ đều tăng so với kế hoạch và so với cùng kỳ (*trên 12%*) là do Công ty có những thuận lợi hơn về hàng hoá và đã tập trung mọi biện pháp tăng năng suất lao động.

+ Các chỉ tiêu hiệu quả sản xuất kinh doanh cao:

\* Về lợi nhuận tăng mạnh so với cùng kỳ là do Công ty thực hiện được: Giảm mạnh (-30%) chi phí tài chính (*lãi vay, chiết khấu thanh toán*), giảm (-29%) khấu hao tài sản,...; tăng (~8 tỷ) do hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho; tăng (~24 tỷ) do chênh lệch tỷ giá USD (+3,6~ 4%), tăng (~ 5 tỷ) do suất thành phẩm tồn và có thu nhập tiền gửi,... nên có tích lũy cao hơn.

\* Về thu nhập bình quân người lao động tăng do Công ty đã linh hoạt xử lý chính sách tăng lương, thưởng để thu hút và giữ chân nguồn nhân lực khi thị trường lao động cạnh tranh mạnh. Kết quả, tăng thu nhập khoảng 10% và tăng 9% lao động.

\* Đã quyết định chi cổ tức cho cổ đông năm 2025 với mức 50% vốn điều lệ (*trung ứng 100% so cùng kỳ - năm 2024 cũng chi cổ tức bằng 50% vốn điều lệ*).

\* Nộp ngân sách tăng mạnh do nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (*tổng cộng hơn 37,254 tỷ = 280% so cùng kỳ (13,3 tỷ đồng)*).

+ Các chỉ tiêu phát triển: Hiện khấu hao của Công ty giảm dần sau thời gian dài không đầu tư mở rộng, khấu hao tài sản dần hết nguyên giá. Việc đầu tư năm 2025 tuy có giảm (-9%) so với cùng kỳ, nhưng tăng (+6%) so với kế hoạch; trong đó chủ yếu để tập trung đầu tư chiều sâu để phát triển công nghệ sản xuất tăng năng suất lao động, phát triển quản lý thông qua chuyên đổi số và tiếp tục đầu tư cải tạo nhà xưởng sau thời gian sử dụng trên 8 năm đã bộc lộ những bất hợp lý và có sự xuống cấp.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### - Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Hoàng	Tổng Giám đốc	1965	Cử nhân kinh tế	Số 22/12, KP6, p. Trần Biên, t. Đồng Nai	176.040	3,07%	
2	Vũ Thu Ngọc Thành	Phó TGD	1979	Cử nhân quản trị kinh doanh	Số 8/9, Tô 16, KP3, p. Trần Biên, t. Đồng Nai	287.000	5,00%	
3	Nguyễn Ngọc Sơn	Phó TGD	1969	Cử nhân quản trị kinh doanh	Số 9A, KP6, p. Trần Biên, t. Đồng Nai	30.172	0,53%	
4	Phạm Văn Đoan	Phó TGD	1966	Cử nhân Công nghệ may	Số 119/4, KP2, p. Tam Hiệp, t. Đồng Nai	0	0%	BN Phó TGD từ Th02/2026 (từ GDDH)
5	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	Giám đốc điều hành	1970	Cử nhân kế toán	Số 1A, tổ AK, KP4, p. Tân Triều, t. Đồng Nai	5.820	0,10%	
6	Nguyễn Thị Thanh Hương	Giám đốc điều hành	1975	Cử nhân quản trị kinh doanh	Số 22/2B, tổ 3, KP4, p. Trần Biên, t. Đồng Nai	3.746	0,07%	
7	Phan Văn Thân	Giám đốc điều hành	1969	Trung cấp kinh tế	Số 52/526, KP 4, p. Trảng Dài, t. Đồng Nai	0	0%	
8	Ngô Ngọc Thuận	Giám đốc điều hành	1965	12/12	57/35 Phạm Ngọc Thạch, KP5, p. Xuân Hoà, Tp. Hồ Chí Minh	29.565	0,52%	
9	Hoàng Thị Hồng Nhung	Giám đốc điều hành	1993	Cao đẳng Quản trị kinh doanh	40 Hưng Long, xã Hưng Thịnh, t. Đồng Nai	0	0%	

### - Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm 2025 vừa qua, Ban điều hành vẫn giữ nguyên tổng số 09 thành viên thuộc nhiệm kỳ 2022 – 2026; đến thời điểm báo cáo có 01 thành viên Ban điều hành được bổ nhiệm từ Giám đốc điều hành lên Phó Tổng Giám đốc, nhưng từ thời điểm Tháng 02/2026.

### - Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Tổng số cán bộ chức danh quản lý trong Công ty là: 37 người, bằng 109% cùng kỳ.
- Tổng số lao động bình quân trong năm 2025 là: 3.559 người, bằng 109% so cùng kỳ (3.274). Trong đó:
  - + Khối văn phòng Công ty là: 378 người, bằng 10% tổng lao động và bằng 111% cùng kỳ.
  - + Công nhân viên khối sản xuất là: 3216 người, bằng 90% tổng lao động và bằng 110% cùng kỳ.

- Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:
  - + Công nhân trực tiếp SX hưởng lương sản phẩm theo đơn giá nhóm công đoạn (*dựa trên doanh thu sản xuất gia công thuần túy của Tổ May và Xi nghiệp*); công nhân viên khối văn phòng Công ty hưởng lương thời gian, căn cứ theo kết quả doanh thu SXKD hàng tháng.
  - + Trong năm 2025 Công ty có những thay đổi lớn trong chính sách “*giữ chân và thu hút lao động*”, như: ưu tiên tăng đơn giá cho công nhân trực tiếp sản xuất, điều chỉnh doanh thu thực tế tính lương cho nhân viên gián tiếp phục vụ, thường khuyến tuyển lao động, các chế độ thưởng lễ, tết và cuối năm, thưởng đồng viên 6 tháng/ lần cho công nhân trực tiếp sản xuất, . . . Đồng thời, trong năm 2025 Công ty linh hoạt điều chỉnh các chính sách mới, như: Tăng lương tối thiểu 6%, tăng khoảng 15% mức thưởng tháng lương thứ 13, xây dựng các chính sách thi đua khen thưởng mới (*thưởng hoàn thành kế hoạch Tháng và Quý, thưởng hoàn thành kế hoạch 6 tháng và 12 tháng, . . .*), từ đó góp phần tăng năng suất lao động 3% và tăng thu nhập cho người lao động 10% so với cùng kỳ.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

#### **a. Các khoản đầu tư lớn:**

- Năm 2025, Công ty thực hiện đầu tư là: 37,2 tỷ đồng (*bằng 91% cùng kỳ*). Cụ thể:
- Đầu tư chiều sâu (*máy móc thiết bị chuyên dùng, tự động*): 24,25 tỷ đồng.
  - Đầu tư nâng cấp trạm điện tại Trụ sở Công ty (site Amata), di dời nâng cấp trạm điện cho XN May 3 và cải tạo các hệ thống điện sản xuất, an toàn điện: 2,68 tỷ đồng.
  - Đầu tư phần mềm chuyển đổi số: 1,52 tỷ đồng.
  - Cải tạo nhà xưởng (*nhà hội nghị, nhà vệ sinh*): 2,33 tỷ đồng.
  - Sửa chữa nhà xe CNV và các khoản bảo trì, bảo dưỡng công trình khác: 2,02 tỷ đồng.
- Năm 2025, Công ty không đầu tư mở rộng hay góp vốn vào các doanh nghiệp khác.

#### **b. Các công ty con, công ty liên kết có kết quả SXKD trong năm 2025 như sau:**

- Công ty cổ phần Đồng Phú Cường, thành lập tháng 10/2012, vốn điều lệ 77,25 tỷ đồng, chuyên sản xuất và kinh doanh hàng may mặc – đây là Công ty liên kết của Công ty CP Đồng Tiến, với số vốn góp là: 19,1 tỷ đồng (26,15%). Năm 2025, Công ty CP Đồng Phú Cường hoạt động có doanh thu đạt: 393 tỷ đồng (*bằng 110% cùng kỳ*), lợi nhuận sau thuế đạt: 37,94 tỷ đồng, nhưng còn lỗ lũy kế: 58,03 tỷ đồng, khấu hao 11,48 tỷ đồng (*bằng 77 % cùng kỳ*), dự định không chia cổ tức cho cổ đông.

- Công ty cổ phần Đồng Phú Bình, thành lập tháng 6/2008, vốn điều lệ 25 tỷ đồng, chuyên đầu tư khai thác hạ tầng công nghiệp – đây là Công ty liên kết của Công ty CP Đồng Tiến, với số vốn góp là: 11 tỷ đồng (44%). Năm 2025, Công ty CP Đồng Phú Bình hoạt động có doanh thu đạt: 25,46 tỷ đồng (*bằng 199% cùng kỳ*), lợi nhuận sau thuế đạt 6 tỷ đồng (*bằng 215 % cùng kỳ*), khấu hao : 9,2 tỷ đồng (*bằng 245 % cùng kỳ*), dự định không chia cổ tức cho cổ đông.

- Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bình Thắng, thành lập tháng 6/2004, vốn điều lệ: 32 tỷ đồng, chuyên đầu tư khai thác hạ tầng công nghiệp – đây là Công ty liên kết của Công ty CP Đồng Tiến, với số vốn góp là: 6,5 tỷ đồng (20,4%). Năm 2025, Công ty CP đầu tư phát triển Bình Thắng hoạt động có doanh thu đạt: 7,34 tỷ đồng (*bằng 138 % cùng kỳ*), lợi nhuận sau thuế đạt: 1,1 tỷ đồng (*bằng 105% cùng kỳ*), khấu hao 1,06 tỷ đồng (*bằng 101 % cùng kỳ*), dự định không chia cổ tức cho cổ đông.

- Công ty cổ phần nguyên phụ liệu dệt may Bình An, thành lập tháng 3/2004, vốn điều lệ: 111 tỷ đồng, chuyên sản xuất và kinh doanh nguyên phụ liệu dệt may và chỉ may – đây là Công ty liên quan của Công ty CP Đồng Tiến, với số vốn góp là: 2 tỷ đồng (1,8%). Năm 2025, Công ty CP nguyên phụ liệu dệt may Bình An hoạt động có doanh thu đạt: 94 tỷ đồng (*bằng 109 % cùng kỳ*), lỗ: 12,62 tỷ đồng, lỗ lũy kế: 24,76 tỷ đồng, khấu hao: 11,94 tỷ đồng (*bằng 96 % cùng kỳ*), dự định không chia cổ tức cho cổ đông.

#### 4. Tình hình tài chính năm 2025:

##### a. Tình hình tài chính (theo BCTC đã kiểm toán):

Chỉ tiêu	Năm 2024 (VNĐ)	Năm 2025 (VNĐ)	% tăng (+)/ giảm (-)
1. Tổng giá trị tài sản	917.583.273.695	963.357.711.916	105
2. Doanh thu thuần	1.868.445.432.679	2.085.804.193.485	112
3. Lợi nhuận từ hoạt động k/doanh	70.234.293.923	176.652.083.450	251
4. Lợi nhuận khác	(3.797.377.638)	2.110.985.561	155
5. Lợi nhuận trước thuế	66.436.916.285	178.763.069.011	269
6. Lợi nhuận sau thuế	53.075.921.893	141.508.409.958	267
7. Lãi cơ bản/ cổ phiếu (EPS)	7.216	19.238	267
8. Vốn chủ sở hữu	198.561.682.143	277.382.079.910	140
9. Tỷ lệ chi cổ tức (tổng chi cổ tức) (theo NQ.DHĐCĐ)	50% (28,687 tỷ)	50% (~28,687 tỷ)	100

##### b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (CR): TSNH/Nợ ngắn hạn	1,10	1,21	Lần (>1)
+ Hệ số thanh toán nhanh (QR): (TSNH - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,82	0,89	Lần (>0.5-1)
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản BQ (D/A)	0,78	0,71	Lần (>0.5-1)
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu BQ (D/E)	3,62	3,47	Lần (>1)
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho (ITR): Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho BQ	7,91	8,15	Lần
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ (ATR)	2,04	2,17	Lần
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số LN sau thuế/ DT thuần (ROS)	2,84	6,78	%
+ LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	28,25	59,46	%
+ LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	6,26	15,05	%
+ LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần (NPM)	3,75	8,47	%
+ LN sau thuế/ Vốn điều lệ	92,51	246,64	%

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

<b>a. Cổ phần:</b>	- Tổng số cổ phần	: 5.737.484 cổ phần.
	- Loại cổ phần	: Cổ phần phổ thông.
	- Vốn điều lệ đến 31/12/2025	: 57.374.840.000 đồng.

##### b. Cơ cấu cổ đông: 223 cổ đông, trong đó:

- 02 Cổ đông tổ chức (năm giữ 51,06% vốn điều lệ):
  - + Tổng Cty CP May Việt Tiến nắm giữ: 1.495.125 cổ phần, tương ứng 26,06% vốn điều lệ.
  - + Quỹ đầu tư phát triển T. Đồng Nai nắm giữ: 1.434.375 cổ phần, tương ứng 25% vốn điều lệ.
  - 221 Cổ đông là cá nhân khác nắm giữ: 2.807.984 cổ phần, tương ứng 48,94% vốn điều lệ.
- Trong đó: 01 Cổ đông lớn là cá nhân nắm giữ: 287.000 cổ phần, tương ứng 5,0 % vốn điều lệ.
- Không có cổ đông nước ngoài.

**c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

- Vốn điều lệ trong năm 2025 không tăng, vẫn giữ nguyên là: 57.374.840.000 đồng.
- Trong năm 2025 không phát hành trái phiếu và cổ phiếu.

**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có.

**e. Các chứng khoán khác:** Không có.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty (ESG):**

**6.1. Tác động lên môi trường:**

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp (scop1+2): CO<sub>2</sub> là: 364 tấn, bằng 105% so cùng kỳ (*số điều chỉnh 345 tấn*). Việc tăng chủ yếu do tăng nhẹ quy mô sản xuất.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:
  - + Thay đổi lò hơi tổng đốt than chuyển sang nồi hơi điện cục bộ cho từng vị trí là hơi.
  - + Mua chứng chỉ IREC cho 100% lượng điện tiêu thụ.
  - + Lắp đặt máy nước nóng năng lượng mặt trời cung cấp nước nóng cho nhà ăn để giảm bớt tiêu thụ gas sau khi không còn lò hơi tổng.

**6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

**a. Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ của Công ty trong năm:** Nguyên liệu chính là vải các loại với ước tính tiêu thụ khoảng 32.296.500 mét vải các loại (*bằng 107% cùng kỳ 29,9 triệu mét*).

**b. Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế, được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty:** Không đáng kể, chủ yếu vật liệu đóng gói (*giấy, nhựa*).

**6.3. Tiêu thụ năng lượng:**

**a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:**

- Tổng lượng điện tiêu thụ trong năm: 4.067.382 Kw, bằng 117% so cùng kỳ; tổng trị giá chi phí điện là: 9.729.060.250 đồng, bằng 124% so cùng kỳ (*tăng chuyển máy, nồi hơi*).
- Tổng lượng nhiên liệu tiêu thụ cho các phương tiện vận tải: 43.582 lít xăng dầu các loại, bằng 96% so với cùng kỳ (*45.354 lít*), trị giá chi phí tiêu thụ: 769.881.530 đồng, bằng 88% so cùng kỳ.

**b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:** Không xác định.

**c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng:** Không xác định; *sử dụng năng lượng tái tạo – điện mặt trời:* đạt 24.911 kWh); **báo cáo kết quả của các sáng kiến này:** Không xác định.

**6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):**

**a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:**

Tổng lượng nước tiêu thụ trong năm: 79,404 m<sup>3</sup>, bằng 113% so với cùng kỳ (*70.481 m<sup>3</sup>*); tổng trị giá chi phí nước là: 937.790.500 đồng, bằng 113 % so cùng kỳ. Toàn bộ nước sử dụng là nước dùng cho sinh hoạt không tiêu thụ nước cho các quy trình sản xuất công nghiệp.

**b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:** Không có.

**6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

**a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:** 0 lần.

**b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:** 0 triệu đồng.

**6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:**

**a. Số lượng lao động:** 3.559 người (*bằng 109% cùng kỳ*), **mức lương (thu nhập) trung bình đối với người lao động:** 13,4 triệu đồng/ người/ tháng (*bằng 110 % so cùng kỳ*).

**b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:** Tuân thủ pháp luật và tiêu chuẩn TNXH, An toàn sức khỏe của khách hàng và theo tiêu chuẩn quốc tế. Trong đó, Công ty đã được cấp Chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế về TNXH - SA 8000 và WRAP của Hoa Kỳ, Sedex-Smeta, HRP....

**c. Hoạt động đào tạo người lao động:**

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Chủ yếu đào tạo công nhân may công nghiệp với số lượng khoảng 1.035 lượt người (*bằng 70% so cùng kỳ 1.485 lượt*), mỗi người đào tạo tối đa từ 1 đến 3 tháng với tổng số giờ bình quân là: 200.448 giờ (*so cùng kỳ bằng 65%*), tính theo mức lương tối thiểu vùng thì tổng chi phí đào tạo đạt khoảng 7,3 tỷ đồng (*bằng 74 % so cùng kỳ có số điều chỉnh là 9,86 tỷ đồng*).

- Đào tạo và huấn luyện khác: Về công tác an toàn vệ sinh lao động, thực phẩm, PCCC, môi trường... theo quy định của pháp luật và theo các tiêu chuẩn quản lý về TNXH trong Công ty.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Ngoài công tác đào tạo trên thì Công ty có các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp đối với cán bộ, công nhân viên để đề bạt lên cấp quản lý.

**6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

Các hoạt động đầu tư cho cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Trong năm 2025 Công ty có các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng, trách nhiệm xã hội khác đối với người lao động, như:

- Chi hỗ trợ chăm lo đời sống CBCNV và con CBCNV của Công ty nhân các dịp lễ, tết là: 5,644 tỷ đồng; chi công tác xã hội từ thiện, trợ cấp khó khăn cho CBCNV trong Công ty: 46 triệu đồng.

- Chi hỗ trợ cho CBCNV tham quan du lịch, học tập trong và ngoài nước, tổng cộng là: 2,656 tỷ đồng.

- Thực hiện công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo khác thông qua chi từ Quỹ phúc lợi và vận động quyên góp trong năm 2025 là: hơn 1,59 tỷ đồng. Diễn hình như:

+ Chi (*từ quyên góp và từ quỹ phúc lợi Công ty*) ủng hộ đồng bào các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên bị thiệt hại do mưa lũ và khắc phục hậu quả cơn bão số 10 (*Bualoi*) là: 653,361 triệu đồng; ủng hộ hữu nghị nhân dân Cuba 213,944 triệu đồng; chi hỗ trợ các địa phương xây dựng công trình xã hội, xây nhà tình thương, phòng chống thiên tai và trách nhiệm phát triển cộng đồng, nạn nhân chất độc màu da cam... nhân các dịp lễ tết và hội thao hội nghị là: 120 triệu đồng;

+ Ủng hộ các hoạt động xã hội từ thiện khác như Quỹ khuyến học của tỉnh Đồng Nai 50 triệu đồng và tiếp tục phụng dưỡng suốt đời 3 Mẹ VNAH tại Nhơn Trạch và Xuân Lộc – Đồng Nai, với tổng số tiền là: 15,2 triệu đồng.

+ Các khoản chi hỗ trợ, làm công tác xã hội từ thiện, nhân đạo khác là: 540 triệu đồng.

**6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:**

Hiện Công ty chưa tham gia cũng như chưa thụ hưởng được nguồn vốn từ thị trường vốn xanh theo các đề án của UBCK Nhà nước.

**II. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH MỌI MẶT CỦA CÔNG TY:**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**1.1. Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty:**

**\* Những điểm thuận lợi:**

- Tình hình thị trường về hàng hoá cho sản xuất:
  - + Thị trường xuất khẩu của Công ty chủ yếu là Châu Âu (“EU”) và Nhật Bản nên ổn định.
  - + Duy trì khách hàng truyền thống, phát triển thêm được khách hàng, nguồn hàng mới.
- Tình hình tài chính thuận lợi, ổn định và góp phần tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh:
  - + Lãi suất ổn định từ 3,5% - 3,6%; xuất hàng nhanh, không thanh toán chiết khấu, các khoản vay giảm nên giảm được chi phí tài chính, tăng hiệu quả lợi nhuận.
  - + Dòng tiền lớn, đạt được sự tín nhiệm cao nên được các ngân hàng sẵn sàng tài trợ vốn.
  - + Tỷ giá USD tăng khoảng 4% nên doanh thu CM bằng USD làm tăng mạnh lợi nhuận.
  - + Khấu hao thấp (=71% cùng kỳ) cũng làm tăng hiệu quả lợi nhuận cả năm của Công ty.
  - + Có nguồn thu từ tiền gửi tích lũy.
- Công ty có năng lực sản xuất lớn đáp ứng cho khách hàng; khí thế thi đua lao động sản xuất tốt nên lần đầu tiên trong nhiều năm qua cả 12 tháng đều hoàn thành kế hoạch CM, trong đó:
  - + Lao động tăng 9% so cùng kỳ, nếu tính cả Công ty thành viên đạt trên 6000 lao động.
  - + Đội ngũ quản lý có năng lực đáp ứng quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.
  - + Tăng 2 chuyên may và sắp xếp lại mặt bằng phát triển sẵn sàng đáp ứng sản xuất.
  - + Năng suất lao động tăng 3% so với cùng kỳ góp phần vào hoàn thành kế hoạch.

**\* Những khó khăn thách thức:**

- Trong năm 2025 khó khăn chính yếu là về thị trường, hàng hoá có sự cạnh tranh cao:
- + Cạnh tranh mạnh về nguồn hàng khi Mỹ áp thuế đối ứng, dẫn đến các Công ty trong ngành tập trung về thị trường EU tạo áp lực cạnh tranh đơn hàng với Công ty.
  - + Cạnh tranh về giá CM ngày càng mạnh trước áp lực của khách hàng yêu cầu giảm giá.
  - + Yêu cầu rất cao về thời gian giao hàng và các tiêu chuẩn sản xuất, kinh doanh phải áp dụng.

**1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:**

- Duy trì được doanh thu tăng trưởng và có lợi nhuận tăng, đạt 267% so cùng kỳ, để đảm bảo lợi ích cho cổ đông, như: Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 19.238 đồng/ cổ phiếu (bằng 266 % cùng kỳ, 7.216 đồng/ cổ phiếu), lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 59,46%, với mức chi cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt là 50% vốn điều lệ (bằng 100% cùng kỳ).
- Năng suất lao động đạt 722 USD/ người/ tháng, tăng 3% so cùng kỳ.
- Lao động bình quân đạt 3.559 người, tăng 9% so cùng kỳ.
- Thu nhập bình quân người lao động tăng 10% so cùng kỳ.
- Tập trung đầu tư chiều sâu (Máy móc thiết bị hiện đại) góp phần tăng năng suất lao động, đạt tỷ lệ tự động hoá trên 20%.
- Giữ được khách hàng lớn và thị trường truyền thống Châu Âu (EU28) 70% và Nhật bản 20% và từng bước cân bằng thị trường khi phát triển thêm được thị trường Trung Quốc.
- Duy trì đà tăng trưởng doanh thu và có lãi tại Công ty thành viên liên kết - Công ty CP Đồng Phú Cường, từng bước giảm lỗ lũy kế.

**2. Tình hình tài chính:**

**a. Tình hình tài sản:**

Tổng tài sản của Công ty là 963 tỷ, bằng 105% so cùng kỳ (917 tỷ). Trong đó: Tài sản ngắn hạn 830 tỷ đồng, tăng 6% so cùng kỳ (786 tỷ) do có khoản tăng mạnh về tiền gửi ngắn hạn, tăng hoàn thuế và một phần tăng tồn kho. Tuy nhiên, tài sản dài hạn 132 tỷ đồng, chỉ tăng nhẹ 1,5% so cùng kỳ (130 tỷ), do chủ yếu tăng đầu tư tài sản cố định là máy móc thiết bị.

**b. Tình hình nợ phải trả:**

- Tình hình nợ hiện tại, có diễn biến giảm các khoản nợ:

Tình hình nợ phải trả hiện tại Công ty là: 685 tỷ đồng, giảm 5% so cùng kỳ (719 tỷ đồng); trong đó chủ yếu là nợ ngắn hạn là 684 tỷ đồng, giảm 4% so cùng kỳ. Hệ số nợ trên tổng tài sản

binh quân ( $D/A = 0,71$  lần) và hệ số nợ trên tổng vốn chủ sở hữu bình quân ( $D/E = 3,47$  lần). Xét thấy Công ty đã nỗ lực giảm so với cùng kỳ (2024:  $D/A = 0,78$  lần và  $D/E = 3,62$  lần). Tuy nhiên, hệ số này vẫn còn cao và cho thấy Công ty vẫn phụ thuộc nhiều vào vốn vay (dùng đòn bẩy tài chính), tiềm ẩn rủi ro tài chính khá cao; mặc dù vậy, tiềm năng lợi nhuận cho cổ đông có thể lớn nếu kinh doanh tốt, thuận lợi và kiểm soát tốt dòng tiền.

Theo phân tích đánh giá rủi ro thanh khoản tại mục VIII.6 của Báo cáo Tài chính cũng xác định rõ: “Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn”.

Ngoài ra, trong cơ cấu nợ mặc dù có phần lớn là nợ vay ngắn hạn, thì có các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả ngắn hạn khác, chứng tỏ Công ty cũng đã tận dụng vốn đối ứng.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Trong năm qua, Công ty không thành lập thêm nhà máy mới và không cổ phần hóa hay thành lập thêm doanh nghiệp thành viên.

- Bộ máy quản lý và điều hành của Công ty vẫn duy trì theo hướng tinh gọn và đảm bảo hiệu quả quản lý, điều hành ở cấp Công ty.

- Hệ thống quản lý về chất lượng, trách nhiệm xã hội, an ninh, an toàn, môi trường vẫn được duy trì cơ bản; tuy nhiên, trong thời gian tới còn nhiều vấn đề cần phải cải tiến, đầu tư và tăng cường tính thực thi nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu đánh giá của khách hàng.

- Trong năm 2025, trong công tác điều hành đã kịp thời thay đổi chính sách khen thưởng, thu hút và giữ chân lao động dẫn đến khá ổn định nguồn nhân lực vào nửa cuối năm, tuyển dụng bù đắp được lao động thiếu hụt (đến cuối năm số tuyển dụng tăng hơn 200 lao động so với số nghỉ việc) từ đó phục vụ tốt cho sản xuất, đáp ứng nhu cầu đơn hàng khi thị trường phục hồi.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Công ty đề ra các chỉ tiêu kế hoạch chính trong năm 2026 như sau:

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2026	SO VỚI THỰC HIỆN 2025
1. Doanh thu gia công	Triệu USD	26	97%
2. Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	2.100	101%
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100	56%
4. Năng suất lao động	USD/ người/ tháng	740	102%
7. Lao động DS bình quân Dự kiến nhà máy mới DPC	Người Người (tính riêng)	3.600 ~ 500	101% /
6. Thu nhập bình quân	Tr. đồng/người/tháng	13,8	103%
7. Đầu tư	Tỷ đồng	60	183%

Trong năm 2026 Ban điều hành Công ty sẽ tập trung vào hoạt động SXKD bằng các giải pháp định hướng để giải quyết các khó khăn, thách thức cụ thể như sau:

**- Giải pháp về thị trường, nguồn hàng và điều hành sản xuất nhằm tăng mạnh năng suất:**

+ Sẵn sàng cạnh tranh, giữ nguồn hàng và khách hàng truyền thống thị trường EU, Nhật bản.

+ Tiếp tục phát triển khách hàng mới, đơn hàng mới để chủ động mùa thấp điểm.

+ Chuẩn bị nhân lực, tài chính để sẵn sàng hợp tác với khách hàng qua bất kỳ phương thức kinh doanh hiệu quả nào, như: CM, FOB hướng tới OBM.

+ Tăng cường công tác tổ chức đoàn Công ty đi tham quan, học tập các mô hình, công nghệ và bố trí sản xuất ở các doanh nghiệp hiệu quả cao phía Bắc và cả ngoài nước.

+ Đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ sản xuất thông minh và tự động hoá; nâng cao công tác bảo trì, bảo dưỡng, phát triển phần mềm quản lý thiết bị.

+ Đẩy mạnh phong trào thi đua tăng năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm để nâng cao thu nhập cho người lao động và thu hút khách hàng.

**- Giải pháp về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh:**

+ Phát huy quản trị tài chính lành mạnh và tranh thủ nguồn tài chính ổn định, lãi suất thấp.

+ Xử lý triệt để hàng tồn kho, xuất hàng nhanh, thanh toán không chiết khấu.

+ Kiểm soát chặt chẽ định mức nguyên phụ liệu và giao khoán các chi phí.

**- Các giải pháp về nguồn nhân lực và điều hành khác:**

+ Tuyên dụng đủ bù đắp lao động thiếu hụt và bổ sung lao động tăng từ 1 – 2% (không kể tăng năng lực khác thông qua đầu tư cho Công ty CP Đồng Phú Cường mở rộng sản xuất).

+ Duy trì chính sách lao động; tiền lương, thưởng và thu nhập lao động tăng khoảng 3 – 5%.

+ Đào tạo cán bộ quản lý nhằm nâng cao năng lực quản trị, nâng cao công tác tổ chức sản xuất; đào tạo đội ngũ phát triển hàng nội địa, hàng FOB, ODM xuất khẩu.

+ Tổ chức các hoạt động phong trào và tập trung chăm lo đời sống CB. CNV để tạo sự gắn kết, thu hút và giữ chân lao động.

+ Khảo sát cán bộ quản lý, khảo sát Livingwage, khảo sát EWB theo dự án của khách hàng để có các chỉ số đánh giá cán bộ và đánh giá sự gắn kết lao động.

+ Phát huy hiệu quả chuyển đổi số về quản lý sản xuất, thiết bị và hành chính nhân sự.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.**

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Cty:**

**a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):**

Tiếp tục duy trì, phát huy các kết quả đạt được năm 2025 để đạt các mục tiêu, chỉ số về môi trường theo định hướng phát triển bền vững, phát thải CO<sub>2</sub>: không quá 382 tấn – tiếp tục theo dõi qua công cụ mới SWEEP theo yêu cầu của khách hàng Châu Âu và duy trì lộ trình giảm phát thải CO<sub>2</sub> theo Bản cam kết SBTi mới ký kết đến năm 2030.

**b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:**

Tiếp tục duy trì, phát huy các kết quả đạt được năm 2025 để đạt các mục tiêu, chỉ số về trách nhiệm xã hội như: Đạt mức B các đánh giá về nhân quyền – theo HRP, khảo sát đạt mức lương đủ sống – theo Livingwage; khảo sát đạt sự hài lòng, gắn bó của người lao động – theo EWB.

**c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:**

Tiếp tục duy trì, phát huy các kết quả đạt được năm 2025 để có mối quan hệ thân thiện và trách nhiệm với cộng đồng địa phương trong công tác xã hội từ thiện và đóng góp cải thiện phát triển bền vững khác, đặc biệt tạo nhiều hơn nữa công ăn việc làm cho người lao động.

**IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội**

**- Về công tác quản trị Công ty:**

+ HĐQT đã yêu cầu Tổng Giám đốc điều chỉnh, bổ sung quy chế quản trị công ty, trong đó qui định chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Trưởng phòng ban và phân công giao quyền cho các cấp từng bước tự chủ điều hành công việc hàng ngày.

+ HĐQT chỉ đạo Ban điều hành về việc tổng kiểm kê tài sản theo qui định của Nhà nước và cho ý kiến để xử lý dứt điểm hàng hóa, nguyên phụ tồn kho lâu năm, sản phẩm còn nợ các khách hàng. Phân loại từng loại và định thời gian giải quyết theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát.

+ HĐQT chỉ đạo soạn thảo qui chế quản lý hàng hóa, nguyên vật liệu, sắp xếp lại kho và quản lý hàng hóa bằng công nghệ số liệu thông tới các bộ phận quản lý của công ty. Xử lý sai sót trong quản lý kho, duy trì cập nhật số liệu nhập - xuất - tồn hàng ngày.

**- Về Công tác tổ chức sản xuất và thị trường:**

+ HĐQT chỉ đạo Ban điều hành khai thác khách hàng mới, sản phẩm mới bảo đảm đủ hàng hóa cho người lao động. Do biến động chính trị tại một số nước có ngành may mặc cạnh tranh với Việt Nam như Bangladesh, Myanmar, Campuchia và kể cả sự dịch chuyển đi của ngành dệt may Trung Quốc đã tạo lợi thế cho ngành may mặc Việt Nam đơn hàng di chuyển về Việt Nam ngày càng nhiều. Ưu tiên dành công suất cho khách hàng Pháp, các khách hàng của Nhật Bản và khách hàng khác. Mục tiêu cao nhất là ký kết được đủ công suất của công ty với giá cả cạnh tranh, tiên độ giao hàng phù hợp, tạo ra năng suất lao động có đủ chi phí và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

+ HĐQT chỉ đạo tổ chức bộ phận kỹ thuật công nghệ, nghiên cứu cải tiến tổ chức sản xuất hợp lý hàng hóa các khâu để vừa đào tạo cán bộ nâng cao tay nghề cho người lao động vừa tiết giảm chi phí để đạt được đột phá về năng suất lao động, đây là yếu tố quyết định hiệu quả công ty.

+ HĐQT chỉ đạo Ban điều hành, các phòng ban, bộ phận duy trì việc giao ban, chế độ báo cáo xử lý thời gian các phát sinh trong sản xuất kinh doanh, có biên bản ghi đúng trong các buổi họp để theo dõi, giám sát, đôn đốc, điều hòa phối hợp giữa các bộ phận trong việc xử lý công việc hàng ngày.

+ HĐQT chỉ đạo Ban điều hành xác định từng bước chuyển dần phương thức sản xuất từ CM sang phương thức sản xuất kinh doanh FOB và cao hơn để tồn tại và phát triển công ty bền vững.

**- Các nhiệm vụ khác:**

+ HĐQT đã có chỉ đạo về quản lý dòng tiền, lựa chọn hình thức thanh toán, về dư nợ vay đối với các ngân hàng nhằm bảo đảm lành mạnh về tài chính của Công ty.

+ Cơ quan điều hành phải tuân thủ pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Đáp ứng các tiêu chuẩn của khách hàng sản xuất gắn với bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và các qui định có liên quan.

+ Có chính sách chăm lo vật chất tinh thần cho người lao động thực hiện công khai minh bạch về nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động. Xử lý hài hòa 3 lợi ích giữa doanh nghiệp với cổ đông và người lao động. Trong đó ưu tiên cho người lao động làm nền tảng ổn định và phát triển Công ty.

+ Tổ chức các phong trào thi đua để tăng năng suất lao động, tăng thu nhập, tuyên dương các cá nhân tập thể có nhiều thành tích làm động lực xây dựng công ty vững vàng.

**- HĐQT phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:**

+ Tổng doanh thu : 2.085 tỷ đồng, tăng 12 % so với cùng kỳ.

+ Lợi nhuận trước thuế : 178,76 tỷ đồng, tăng 169% so với cùng kỳ.

+ Lao động bình quân : 3.559 người, tăng 9% so với cùng kỳ.

+ Thu nhập bình quân : 13,4 triệu đồng/người/tháng, tăng 10% so với cùng kỳ.

+ Dự kiến tỷ lệ chia cổ tức : 50 % trên vốn điều lệ. (Tháng 12/2025 đã ứng 25%).

**- Những mặt còn khó khăn, tồn tại:**

+ Trong năm 2025 khó khăn chính yếu là về thị trường, hàng hoá có sự cạnh tranh mạnh khi Mỹ áp thuế đối ứng, dẫn đến các Công ty trong ngành tập trung về thị trường EU tạo áp lực cạnh tranh đơn hàng với Công ty (do Công ty chủ yếu làm hàng đi Châu Âu).

+ Cạnh tranh về giá CM trước áp lực của khách hàng yêu cầu giảm giá gia công, trong khi yêu cầu cao hơn về thời gian giao hàng và các tiêu chuẩn sản xuất, kinh doanh phải áp dụng.

**- Công tác quản lý cổ đông:**

- + Tổng số vốn điều lệ tính đến 31/12/2025: 57.374.840.000 đồng, tương ứng: 5.737.484 cổ phần/ cổ phiếu. Trong đó có 02 cổ đông pháp nhân là:
  - + Tổng Công ty CP May Việt Tiến : 1.495.125 cổ phần (26,06% vốn điều lệ).
  - + Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai : 1.434.375 cổ phần (25% vốn điều lệ).
  - + Cổ đông cá nhân có 221 người, nắm giữ : 2.807.984 cổ phần (48,94% vốn điều lệ).
  - + Trong năm 2025, số cổ phần chuyển nhượng: Không có trường hợp chuyển nhượng.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:**

- Lần đầu tiên kể từ ngày thành lập Công ty năm 1990 đến nay, năm 2025 là năm Công ty đạt được hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất, đây sẽ là động lực và tiền đề cho Công ty phát huy và dự báo sẽ đạt hiệu quả kinh doanh cao cho năm 2026.

- Dòng tiền của Công ty lớn sẽ tiếp tục hấp dẫn các Ngân hàng tài trợ vốn đáp ứng nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động sản xuất xuất khẩu.

- Công ty đã thực hiện đúng định hướng của Hội đồng quản trị về duy trì chính sách động viên, khuyến khích và khen thưởng, khuyến tuyển,... để động viên phong trào thi đua lao động sản xuất và thu hút lao động nhằm đạt được các chỉ tiêu tăng lao động cho sản xuất, bảo đảm thu nhập người lao động.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Mục tiêu cốt lõi trong năm 2026 là: Quản trị tốt, năng suất lao động cao, tài chính lành mạnh, nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Để thực hiện các mục tiêu trên, HĐQT định hướng những giải pháp như sau:

+ Tiếp tục duy trì và phát triển sản xuất ổn định để đạt kế hoạch doanh thu giao là 2.100 tỷ đồng trong năm 2026.

+ Thực hiện quy hoạch khách hàng chiến lược theo hướng chuyên môn hóa, lựa chọn khách hàng tiềm năng, có giá trị sản phẩm cao để nâng cao chuỗi giá trị trong sản xuất kinh doanh.

+ Nâng cao tỷ trọng doanh thu hàng FOB xuất khẩu nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc an toàn và hiệu quả. Tiếp tục quản lý và giải quyết hàng tồn kho và chậm luân chuyển cho khách hàng.

+ Tiếp tục đầu tư chiều sâu bằng những máy móc thiết bị chuyên dùng, tự động hoá, duy trì và củng cố công nghệ sản xuất theo phương pháp Lean để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm.

+ Đào tạo nguồn nhân lực các cấp, xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn cán bộ nhằm nâng cao năng lực quản trị, nâng cao công tác tổ chức sản xuất.

+ Thực hiện tiết giảm chi phí toàn diện.

+ Tiếp tục rà soát lại các chính sách tiền thưởng cho phù hợp với tình hình thực tế để khuyến khích người lao động gắn bó làm việc lâu dài với Công ty, giữ ổn định lao động.

+ Tiếp tục phát động phong trào thi đua nhằm khuyến khích tinh thần hăng hái tham gia sản xuất của CBCNV.

- Trên cơ sở kế hoạch và định hướng nêu trên, Hội đồng quản trị đã phê duyệt và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua các chỉ tiêu kế hoạch chính cho năm 2026, như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2026	So với cùng kỳ (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ Đ	2.100	101%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	100	56%
3	Lao động bình quân	Người	3.600	101%
4	Thu nhập bình quân	Đ/N/Th	13,8	103%
5	Tổng mức đầu tư	Tỷ Đ	60	183%
6	Dự kiến định hướng tỷ lệ chi có tức, mức thấp nhất	%	25	50%

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 16/4/2022, Đại hội đã bầu HĐQT Công ty CP Đồng Tiến (nhiệm kỳ 2022 – 2026) gồm 5 thành viên sau:

S T T	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Năm sinh	Trình độ	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu và đại diện cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Nguyễn Đình Trường	Chủ tịch HĐQT	1948	Cử nhân kinh tế	6 Ngô Bê, P. Tân Bình, Tp.HCM	26.625	0,46%	Sở hữu CP cá nhân
2	Bùi Văn Tiến	Thành viên HĐQT	1964	Cử nhân kinh tế	2/1/19 Bình Giã, P. Tân Bình, Tp.HCM	930.825	16,22%	Đại diện 897.075 CP của TCT Việt Tiến
3	Trần Minh Công	Thành viên HĐQT	1966	Cử nhân kinh tế	86/74 Trường Chinh, P. Bảy Hiền, Tp.HCM	631.800	11,01%	Đại diện 598.050 CP của TCT Việt Tiến
4	Phan Trọng Dũng	Thành viên HĐQT	1966	Thạc sỹ kinh tế	Đại diện Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai	1.434.375	25,00%	Đại diện sở hữu cho tổ chức 1.434.375 CP
5	Nguyễn Văn Hoàng	Tv.HĐQT / Kiểm Tổng GD	1965	Cử nhân kinh tế	15C/14 – Kp3, P. Trán Biên, T. Đồng Nai	176.040	3,07%	Sở hữu CP cá nhân

Trong đó:

- 1/5 thành viên là thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành Công ty.
- Có 4/5 thành viên là thành viên HĐQT không điều hành.
- Có 5/5 thành viên nắm giữ chức danh là thành viên HĐQT tại các Công ty khác.

#### b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

#### c. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025:

##### - Đánh giá hoạt động của HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty hiện có 05 thành viên. Có 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty và có 03 thành viên là người quản trị, điều hành ở các doanh nghiệp dệt may khác, 01 thành viên là người điều hành quỹ đầu tư và phát triển của tỉnh Đồng Nai, nên có thuận lợi là luôn có trách nhiệm trong quản lý và điều hành, thống nhất ý trí nhanh và linh hoạt trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT đều đủ thành phần, tuân thủ Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật, ban hành đầy đủ nghị quyết sát thực tế và giao nhiệm vụ cho Ban điều hành triển khai thực hiện; đảm bảo giám sát chặt chẽ, toàn diện hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

##### - Số lượng các cuộc họp của HĐQT, nội dung và kết quả của các cuộc họp:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung / thông qua
	Nghị quyết HĐQT số	20/3/2025	- Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024 và dự kiến kế hoạch 2025.

01	01/ĐT/HĐQT		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo Ban kiểm soát kết quả SXKD năm 2024.</li> <li>- Thông qua kế hoạch và phân công nhiệm vụ trong tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.</li> <li>- Thông qua ý kiến HĐQT về tỷ lệ chia cổ tức năm 2024.</li> <li>- Quyết định những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.</li> </ul>
02	Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	19/4/2025	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.</li> <li>- Thông qua kết quả thực hiện tổng đầu tư trong năm 2024.</li> <li>- Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2025.</li> <li>- Thông qua Báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty CP Đồng Tiến năm 2024 và BCTC đã kiểm toán.</li> <li>- Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024.</li> <li>- Thông qua tờ trình chọn đơn vị kiểm toán tài chính năm 2025.</li> <li>- Thông qua tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu cho lực lượng cán bộ chủ chốt.</li> <li>- Thông qua báo cáo của HĐQT về kết quả năm 2024 và định hướng chiến lược về hoạt động Công ty từ năm 2025.</li> </ul>
03	Nghị quyết HĐQT số 02/BB-HĐQT	25/7/2025	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định về hạn mức vay vốn lưu động tại Ngân hàng ACB - Chi nhánh Tp.HCM.</li> </ul>
04	Nghị quyết HĐQT số 03/2025/B B-HĐQT	03/9/2025	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định về hạn mức vay vốn lưu động tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Biên Hòa.</li> </ul>
05	Nghị quyết HĐQT số 04/BB-HĐQT	15/11/2025	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định về hạn mức vay vốn lưu động tại Ngân hàng VCB - Chi nhánh Đồng Nai.</li> </ul>
06	Nghị quyết HĐQT số 05/ĐT-HĐQT	18/11/2025	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD 10 tháng năm 2025 và ước 2 tháng cuối năm 2025 và dự kiến kế hoạch 2026.</li> <li>- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả SXKD 9 tháng năm 2025.</li> <li>- Thông qua báo cáo đề xuất của Ban TGD về kế hoạch đầu tư 2026.</li> <li>- Quyết định tạm ứng cổ tức và dự kiến tỷ lệ chia cổ tức năm 2025.</li> <li>- Thông qua những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.</li> </ul>

**d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:** Không.

**e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:** Không xác định.

## **2. Ban Kiểm soát**

### **a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

Tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 16/4/2022, Đại hội đã bầu Ban Kiểm soát Công ty CP Đồng Tiến (nhiệm kỳ 2022 – 2026) và Đại hội năm 2024 bầu 01 thành viên (để thay thế 01 thành viên nghỉ hưu, đều là nhân sự của Quỹ đầu tư và phát triển tỉnh Đồng Nai); đến nay BKS gồm có 03 thành viên sau:

Stt	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Năm sinh	Trình độ	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Nguyễn Trâm Anh	Trưởng ban KS	1967	Cử nhân kinh tế	358/2/33B - CMT8, P. Nhiều Lộc, Tp.HCM	22.359	0,39%
2	Lê Tiến Thành	TV.BKS	1976	Cử nhân kinh tế	497/10 - Sư Vạn Hạnh, P. Hoà Hưng, Tp. HCM	0	0%
3	Nguyễn Văn Thơ	TV.BKS	1968	Cử nhân kinh tế	B1C – Kp.4, P. Tam Hiệp, T. Đồng Nai	0	0%

**b. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

- Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ của HĐQT, Ban TGD và các cấp quản lý của Công ty theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty CP Đồng Tiến và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư các dự án của Công ty.

- Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT.

- Ban kiểm soát đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hàng Quý, 6 tháng và cả năm 2025 của Công ty trước khi kiểm toán và sau khi kiểm toán.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và Ban kiểm soát:**

**a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

Họ tên	Chức danh	Thu nhập năm 2025
<b>Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị (thù lao, tiền thưởng):</b>		
1. ông Nguyễn Đình Trường	Chủ tịch	906.609.600
2. ông Phan Trọng Dũng	Thành viên	239.251.058
3. ông Trần Minh Công	Thành viên	725.287.682
4. ông Bùi Văn Tiến	Thành viên	725.287.682
<b>Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát (thù lao, tiền thưởng):</b>		
1. bà Nguyễn Trâm Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	543.965.760
2. ông Lê Tiến Thành	Thành viên	253.850.689
3. ông Nguyễn Văn Thơ	Thành viên	41.868.935
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc (thù lao, tiền lương, thưởng):</b>		
1. ông Nguyễn Văn Hoàng	TV. HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc	3.503.392.005
2. ông Vũ Thu Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc	1.714.269.523
3. ông Nguyễn Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc	1.248.004.053
4. ông Phạm Văn Doan	Phó Tổng Giám đốc	1.169.380.748
5. ông Phan Văn Thân	Giám đốc điều hành	944.445.684
6. bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu	Giám đốc điều hành	1.113.116.084
7. bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Giám đốc điều hành	932.876.064
8. ông Ngô Ngọc Thuận	Giám đốc điều hành	369.220.598
9. bà Hoàng Thị Hồng Nhung	Giám đốc điều hành	321.325.728

**b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ năm:** Không phát sinh.

**c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:** Không phát sinh giao dịch.

**d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Công ty đã từng bước cơ bản tuân theo quy định về quản trị công ty công ty đại chúng.

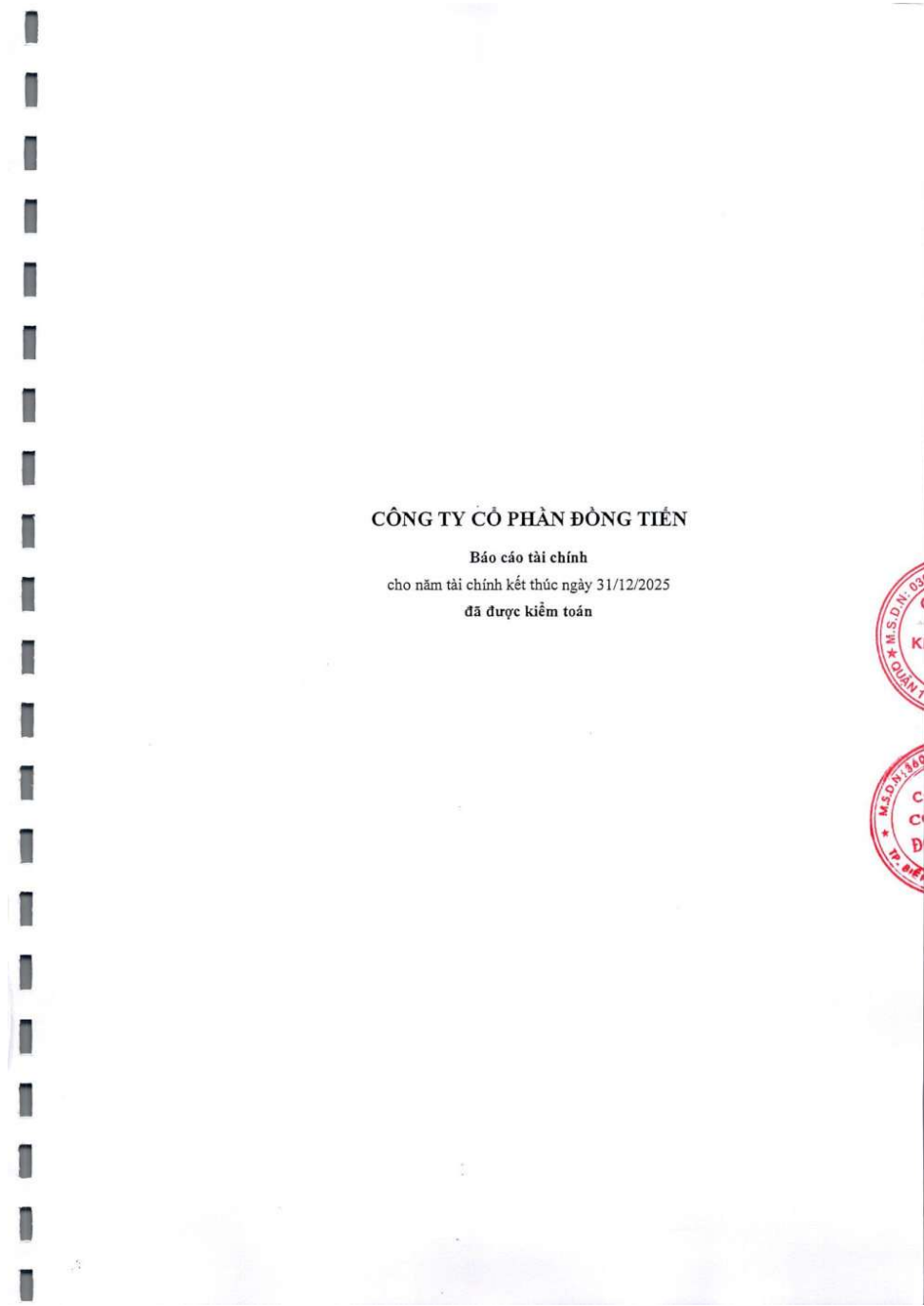
## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán NVA, xác định:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đông Tiến tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

### 2. Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Đông Tiến năm 2025, đã được kiểm toán: (Bản scan toàn văn Báo cáo tài chính như dưới đây:)



#### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG TIẾN

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

đã được kiểm toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN**

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 41

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN**

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đồng Tiến (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**Khái quát**

Công ty Cổ phần Đồng Tiến được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000370 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai (nay là Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai) cấp ngày 06 tháng 04 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259810, và đến nay đã đăng ký thay đổi đến lần thứ 8 ngày 10 tháng 09 năm 2025.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất sản phẩm dệt may xuất khẩu và nội địa.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

**Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
<b>Hội đồng quản trị</b>			
Ông Nguyễn Đình Trường	Chủ tịch	16/04/2022	
Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên	16/04/2022	
Ông Trần Minh Công	Thành viên	16/04/2022	
Ông Bùi Văn Tiến	Thành viên	16/04/2022	
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Tổng Giám đốc	16/04/2022	
Ông Vũ Thu Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc	16/04/2022	
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc	01/02/2023	
Ông Phạm Văn Doan	Phó Tổng Giám đốc	08/01/2026	
Ông Ngô Ngọc Thuận	Giám đốc điều hành	16/04/2022	
Ông Phan Văn Thân	Giám đốc điều hành	01/02/2023	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Giám đốc điều hành	01/02/2023	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu	Giám đốc điều hành	01/02/2023	
Bà Hoàng Thị Hồng Nhung	Giám đốc điều hành	25/11/2024	
<b>Ban kiểm soát</b>			
Bà Nguyễn Trâm Anh	Trưởng ban	16/04/2022	
Ông Lê Tiến Thành	Thành viên	16/04/2022	
Ông Nguyễn Văn Thơ	Thành viên	20/04/2024	



Số: 29.09.1.1/25/BCTC/NVA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đồng Tiến

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đồng Tiến, được lập ngày 25/03/2026, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đồng Tiến tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 29 tháng 3 năm 2025 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Công ty TNHH kiểm toán NVA



**Cao Thị Hồng Nga**

Chứng nhận ĐKHN kiểm toán số: 0613-2023-152-1

Kiểm toán viên

**Bùi Duy Phương Thanh**

Chứng nhận ĐKHN kiểm toán số: 5425-2025-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>830.496.146.251</b>	<b>786.765.388.203</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>139.268.898.146</b>	<b>150.302.301.258</b>
1. Tiền	111	V.1	139.268.898.146	150.302.301.258
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>65.538.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		65.538.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>374.339.718.066</b>	<b>414.803.814.860</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	351.469.968.514	375.315.535.602
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.921.610.789	1.303.906.759
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	18.000.000.000	23.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.948.138.763	15.184.372.499
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>218.905.738.282</b>	<b>201.458.953.784</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	222.433.800.110	213.007.685.607
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.528.061.828)	(11.548.731.823)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>32.443.791.757</b>	<b>20.200.318.301</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	3.861.539.303	2.442.624.695
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.985.196.193	15.823.009.051
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	3.597.056.261	1.934.684.555
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>132.861.565.665</b>	<b>130.817.885.492</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	70.000.000	70.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>108.540.975.135</b>	<b>103.279.991.542</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	97.709.545.528	92.937.800.879
- Nguyên giá	222		482.288.511.398	456.442.318.309
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(384.578.965.870)	(363.504.517.430)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	10.831.429.607	10.342.190.663
- Nguyên giá	228		15.783.623.909	14.260.756.549
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.952.194.302)	(3.918.565.886)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.10</b>	<b>19.093.024.055</b>	<b>19.358.069.866</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		36.713.120.000	36.713.120.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.000.000.000	2.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(19.620.095.945)	(19.355.050.134)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.157.566.475</b>	<b>8.109.824.084</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	4.788.295.404	7.888.847.731
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		369.271.071	220.976.353
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>963.357.711.916</b>	<b>917.583.273.695</b>

3884  
 IG T  
 HH  
 TOA  
 VA  
 HỒ C  
 269  
 NG T  
 PH  
 IG T  
 A - T

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>685.975.632.006</b>	<b>719.021.591.552</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>684.749.101.506</b>	<b>713.415.470.052</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	131.503.065.683	147.285.647.289
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	14.619.219.163	17.458.566.514
3. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	313	V.13	3.755.458.659	130.841.205
4. Phải trả người lao động	314		243.750.741.291	197.129.858.764
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.215.970.600	1.447.410.682
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	13.204.530.327	9.924.010.976
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	238.120.330.160	329.252.527.585
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	V.17	37.579.785.623	10.786.607.037
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.226.530.500</b>	<b>5.606.121.500</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	1.226.530.500	1.188.121.500
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	-	4.418.000.000
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>277.382.079.910</b>	<b>198.561.682.143</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>277.382.079.910</b>	<b>198.561.682.143</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		57.374.840.000	57.374.840.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		57.374.840.000	57.374.840.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		60.104.889.697	45.954.048.701
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		159.902.350.213	95.232.793.442
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		78.020.341.442	70.616.134.555
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		81.882.008.771	24.616.658.887
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>963.357.711.916</b>	<b>917.583.273.695</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Lê Thị Liễu

Nguyễn Thị Ngọc Giáp

Vũ Thu Ngọc Thành

(Giấy UQ số 63/ĐT-TCHC ngày 25/03/2026)

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.085.804.193.485	1.868.445.432.679
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>2.085.804.193.485</b>	<b>1.868.445.432.679</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.713.730.074.613	1.628.656.506.967
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>372.074.118.872</b>	<b>239.788.925.712</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	34.832.848.837	42.386.144.897
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	28.145.484.679	40.912.420.874
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.873.919.930</i>	<i>13.845.732.520</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	78.126.267.104	68.397.700.902
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	123.983.132.476	102.630.654.910
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>176.652.083.450</b>	<b>70.234.293.923</b>
11. Thu nhập khác	31		2.110.985.561	7.987.651.042
12. Chi phí khác	32		-	11.785.028.680
<b>13. Lợi nhuận (lỗ) khác</b>	<b>40</b>	<b>VI.7</b>	<b>2.110.985.561</b>	<b>(3.797.377.638)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>178.763.069.011</b>	<b>66.436.916.285</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	37.254.659.053	9.118.044.805
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	4.242.949.587
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>141.508.409.958</b>	<b>53.075.921.893</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	19.238	7.216
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	19.238	7.216

Người lập biểu

Lê Thị Liễu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Giàu

Phó Tổng Giám đốc



Vũ Thu Ngọc Thành

(Giấy UQ số 63/ĐT-TCHC ngày 25/03/2026)

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2.117.971.243.578	1.786.260.654.788
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(1.363.213.176.033)	(1.225.414.175.314)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(553.913.485.589)	(444.740.896.969)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(10.924.444.930)	(13.903.830.520)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(33.344.244.231)	(10.917.391.512)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	168.613.967.363	188.051.002.734
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(126.239.277.715)	(103.580.483.545)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>198.950.582.443</b>	<b>175.754.879.662</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(25.962.954.977)	(23.730.253.814)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	150.505.051	1.265.345.119
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(65.538.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.237.218.905	1.147.916.984
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(85.113.231.021)</b>	<b>(21.316.991.711)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.350.714.462.625	1.283.132.875.617
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.445.279.125.110)	(1.290.693.289.496)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(30.091.412.000)	(14.222.194.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(124.656.074.485)</b>	<b>(21.782.607.879)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(10.818.723.063)</b>	<b>132.655.280.072</b>
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	150.302.301.258	17.472.993.129
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(214.680.049)	174.028.057
<b>Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>139.268.898.146</b>	<b>150.302.301.258</b>

Người lập biểu:  Kế toán trưởng:  Phó Tổng Giám đốc:   
 Lê Thị Liễu Nguyễn Thị Ngọc Giao Vũ Thu Ngọc Thành



(Giấy UQ số 63/ĐT-TCHC ngày 25/03/2026)

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2026

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2025

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đồng Tiến được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000370 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai (nay là Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai) cấp ngày 06 tháng 04 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259810, và đến nay đã đăng ký thay đổi đến lần thứ 8 ngày 10 tháng 09 năm 2025.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất sản phẩm dệt may xuất khẩu và nội địa.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 3.295 người (tại ngày 31/12/2024 là 3.951 người).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Sản xuất gia công, kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty và 3 công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
<i>Công ty liên kết</i>				
Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình	Lô K, đường D.06, Cụm CN Phú Cường, xã Phú Cường, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai	Đầu tư xây dựng, kinh doanh kỹ thuật hạ tầng; Cho thuê và mua bán thiết bị, phương tiện vận tải	44%	44%
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	Lô số B1, Cụm Công nghiệp Phú Cường, Xã Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai	May trang phục	26,15%	26,15%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	Số 07 Lê Minh Xuân, Phường Tân Sơn Nhất Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản; Bán buôn máy móc, thiết bị dùng trong công nghiệp và xây dựng	20,43%	20,43%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở số liệu của Công ty Cổ phần Đồng Tiến (Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ), do đó các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trình bày trong Báo cáo tài chính này theo phương pháp giá gốc.

**2. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản thì tỷ giá áp dụng là tỷ giá mua ngoại tệ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản cho vay và các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, góp vốn liên doanh và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng trường hợp, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Thu nhập lãi tiền cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị khoản cho vay.

**Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu (06) tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Amata.

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất là 28 năm.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Cơ cấu vốn chủ sở hữu**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Trích lập các quỹ**

Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Điều lệ Công ty.

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu lãi tiền gửi, lãi cho vay*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

**17. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

**18. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**19. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	56.894.080	143.572.652
Tiền gửi ngân hàng	139.212.004.066	150.158.728.606
<b>Cộng</b>	<b>139.268.898.146</b>	<b>150.302.301.258</b>

**2. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công Ty Cổ Phần May Việt Thịnh	-	-
Công ty Desipro	331.177.935.722	340.033.163.283
Công ty Teijin Frontier	9.919.562.242	22.710.171.910
Công ty Itochu (Descente)	7.289.043	1.264.766.533
Royne Co., Ltd	2.256.177.086	2.650.838.618
Các khách hàng khác	8.109.004.421	8.656.595.258
<b>Cộng</b>	<b>351.469.968.514</b>	<b>375.315.535.602</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công ty cổ phần Dệt May - Đầu Tư - Thương Mại Thành Công	271.581.941	344.832.681
Công ty TNHH Cơ Khí Xây Dựng DV Thành Công	1.460.832.965	-
Công ty TNHH BH Machinery Việt Nam	-	826.803.333
Trả trước cho người bán khác	189.195.883	132.270.745
<b>Cộng</b>	<b>1.921.610.789</b>	<b>1.303.906.759</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	18.000.000.000	23.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>23.000.000.000</b>

Công ty cho Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường (công ty liên kết) vay cho mục đích xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất hàng gia công cho Công ty, lãi suất vay từ 2,5%/năm đến 4,5%/năm (năm 2024: 3,5%/năm).

**5. Phải thu khác**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.948.138.763</b>	<b>15.184.372.499</b>
Tạm ứng	156.840.734	164.985.688
Phải thu BHXH, BHYT	2.107.776.950	1.211.924.359
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	-
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường (*)	84.678.258	12.994.081.726
Trung tâm Phát triển Quỹ Đất (Trảng Bom)	218.035.759	409.004.597
Công ty Desipro	-	-
Các phải thu khác	380.807.062	404.376.129
<b>b) Dài hạn</b>	<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>
Các khoản ký quỹ tiền thuê	70.000.000	70.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.018.138.763</b>	<b>15.254.372.499</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác là bên liên quan (*)</b>	<b>84.678.258</b>	<b>12.994.081.726</b>

**6. Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	3.451.393.225	-	3.204.868.523	-
Nguyên liệu, vật liệu	59.454.417.437	-	50.097.922.292	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	90.790.948.404	(1.544.598.630)	67.628.207.313	(9.118.560.243)
Thành phẩm	66.348.341.250	(1.983.463.198)	89.948.219.598	(2.430.171.580)
Hàng hóa	681.582.000	-	794.987.111	-
Hàng gửi đi bán	1.707.117.794	-	1.333.480.770	-
<b>Cộng</b>	<b>222.433.800.110</b>	<b>(3.528.061.828)</b>	<b>213.007.685.607</b>	<b>(11.548.731.823)</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	<b>3.861.539.303</b>	<b>2.442.624.695</b>
Công cụ, dụng cụ	1.935.587.296	1.151.938.749
Chi phí sửa chữa	1.026.452.007	92.119.280
Chi phí viết phần mềm	899.500.000	1.093.666.664
Chi phí khác	-	104.900.002
b) Dài hạn	<b>4.788.295.404</b>	<b>7.888.847.731</b>
Công cụ, dụng cụ	96.176.601	197.120.936
Chi phí khác	4.692.118.803	7.691.726.795
Cộng	<b>8.649.834.707</b>	<b>10.331.472.426</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN**

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>						
Đầu năm	162.648.402.320	266.763.427.423	23.204.147.621	3.826.340.945	456.442.318.309	
Số tăng trong năm	-	27.023.513.742	664.811.185	-	27.688.324.927	
Mua sắm mới	-	25.043.713.742	664.811.185	-	25.708.524.927	
Kết chuyển từ TK 241	-	1.979.800.000	-	-	1.979.800.000	
Số giảm trong năm	-	844.811.662	312.229.267	685.090.909	1.842.131.838	
Thanh lý, nhượng bán	-	844.811.662	312.229.267	685.090.909	1.842.131.838	
<b>Cuối năm</b>	<b>162.648.402.320</b>	<b>292.942.129.503</b>	<b>23.556.729.539</b>	<b>3.141.250.036</b>	<b>482.288.511.398</b>	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Đầu năm	113.342.855.835	229.678.986.697	17.163.966.422	3.318.708.476	363.504.517.430	
Số tăng trong năm	4.458.019.213	16.540.285.454	1.800.381.176	117.894.435	22.916.580.278	
Khấu hao trong năm	4.458.019.213	16.540.285.454	1.800.381.176	117.894.435	22.916.580.278	
Số giảm trong năm	-	844.811.662	312.229.267	685.090.909	1.842.131.838	
Thanh lý, nhượng bán	-	844.811.662	312.229.267	685.090.909	1.842.131.838	
<b>Cuối năm</b>	<b>117.800.875.048</b>	<b>245.374.460.489</b>	<b>18.652.118.331</b>	<b>2.751.512.002</b>	<b>384.578.965.870</b>	
<b>Giá trị còn lại</b>						
Đầu năm	49.305.546.485	37.084.440.726	6.040.181.199	507.632.469	92.937.800.879	
<b>Cuối năm</b>	<b>44.847.527.272</b>	<b>47.567.669.014</b>	<b>4.904.611.208</b>	<b>389.738.034</b>	<b>97.709.545.528</b>	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

\* Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 314.980.239.396 VND (tại ngày đầu năm: 226.223.156.319 VND).
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 43.799.923.283 VND (tại ngày đầu năm: 53.645.257.788 VND).

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Đầu năm	12.930.196.549	1.330.560.000	-	14.260.756.549
Tăng trong năm	-	1.522.867.360	-	1.522.867.360
Mua sắm mới	-	1.522.867.360	-	1.522.867.360
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Cuối năm</b>	<b>12.930.196.549</b>	<b>2.853.427.360</b>	<b>-</b>	<b>15.783.623.909</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Đầu năm	3.694.341.886	224.224.000	-	3.918.565.886
Tăng trong năm	461.792.736	571.835.680	-	1.033.628.416
Khấu hao trong năm	461.792.736	571.835.680	-	1.033.628.416
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Cuối năm</b>	<b>4.156.134.622</b>	<b>796.059.680</b>	<b>-</b>	<b>4.952.194.302</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Đầu năm	9.235.854.663	1.106.336.000	-	10.342.190.663
<b>Cuối năm</b>	<b>8.774.061.927</b>	<b>2.057.367.680</b>	<b>-</b>	<b>10.831.429.607</b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN**  
Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**10. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Cuối năm		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
	Dự phòng	Dự phòng	Dự phòng	Dự phòng	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>36.713.120.000</b>	<b>17.538.800.000 (19.174.320.000)</b>	<b>36.713.120.000</b>	<b>17.538.800.000 (19.174.320.000)</b>	
Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình (i)	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường (ii)	19.174.320.000	- (19.174.320.000)	19.174.320.000	-	(19.174.320.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thăng (iii)	6.538.800.000	6.538.800.000	6.538.800.000	6.538.800.000	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>1.554.224.055 (445.775.945)</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>1.819.269.866 (180.730.134)</b>	
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	2.000.000.000	1.554.224.055 (445.775.945)	2.000.000.000	1.819.269.866 (180.730.134)	
<b>Cộng</b>	<b>38.713.120.000</b>	<b>19.093.024.055 (19.620.095.945)</b>	<b>38.713.120.000</b>	<b>19.358.069.866 (19.355.050.134)</b>	

Thông tin chi tiết các khoản đầu dài hạn của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

- (i) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình với giá trị vốn góp là 11.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 44% vốn điều lệ của công ty này. Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình có trụ sở tại Lô K đường D.06, Cụm CN Phú Cường, Xã Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai, hoạt động kinh doanh chính là đầu tư xây dựng, kinh doanh kỹ thuật hạ tầng; cho thuê và mua bán thiết bị, phương tiện vận tải.
- (ii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường với giá trị vốn góp là 19.174.320.000 VND, chiếm tỷ lệ 26,15% vốn điều lệ của công ty này. Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường có trụ sở tại Lô số B1, Cụm công nghiệp Phú Cường, xã Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, hoạt động



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Kinh doanh chính là may trang phục. Hiện tại, Công ty đã dự phòng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường với số tiền là 19.174.320.000 VND.

- (iii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng với giá trị vốn góp là 6.538.800.000 VND, chiếm tỷ lệ 20,43% vốn điều lệ của công ty này. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng có trụ sở tại số số 7 Lê Minh Xuân Phường Tân Sơn Nhất Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh bất động sản; bán buôn máy móc, thiết bị dùng trong công nghiệp và xây dựng.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết và khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là giá được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại thời điểm Báo cáo tài chính.

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Cuối năm</b>		<b>Đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	34.207.167.444	34.207.167.444	-	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn khác</b>				
Công ty TNHH In Na Nu Sài Gòn	10.885.789.465	10.885.789.465	11.182.560.897	11.182.560.897
Công ty TNHH Phụ liệu Phú Cường	9.660.569.076	9.660.569.076	10.255.787.499	10.255.787.499
Công ty TNHH Checkpoint Việt Nam	8.560.267.756	8.560.267.756	9.003.968.424	9.003.968.424
Công ty TNHH In thêu Tân Hùng Ngọc (PL)	13.465.172.604	13.465.172.604	15.563.733.198	15.563.733.198
Công ty TNHH YKK Việt Nam	4.631.066.555	4.631.066.555	5.774.587.821	5.774.587.821
Công ty TNHH Dệt Liên Châu	4.014.786.362	4.014.786.362	4.662.789.545	4.662.789.545
Royne Co., Ltd	4.030.641.056	4.030.641.056	3.818.368.033	3.818.368.033
Công ty TNHH Mainetti (Việt Nam)	3.720.434.267	3.720.434.267	3.343.457.040	3.343.457.040
Công ty TNHH Na Nu	3.674.344.257	3.674.344.257	-	-
Công ty TNHH Thành Thái	3.497.409.712	3.497.409.712	2.763.912.614	2.763.912.614
Nhà cung cấp khác	31.155.417.129	31.155.417.129	80.916.482.218	80.916.482.218
<b>Cộng</b>	<b>131.503.065.683</b>	<b>131.503.065.683</b>	<b>147.285.647.289</b>	<b>147.285.647.289</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công ty Desipro	13.753.800.776	17.438.838.643
Công ty Itochu	16.373.414	7.920.460
Công ty Teijin	638.122.646	11.807.411
Shandong Hengli Textile Technology Co.,Ltd	210.922.327	-
<b>Cộng</b>	<b>14.619.219.163</b>	<b>17.458.566.514</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
<b>a) Phải nộp</b>	<b>130.841.205</b>	<b>6.402.911.297</b>	<b>2.778.293.843</b>	<b>3.755.458.659</b>
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	528.975.880	528.975.880	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	218.194.078	218.194.078	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.755.458.659	-	3.755.458.659
Thuế thu nhập cá nhân	130.841.205	1.597.588.532	1.728.429.737	-
Thuế Thu nhập cá nhân đầu tư vốn	-	772.195.600	772.195.600	-
Thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên	130.841.205	825.392.932	956.234.137	-
Tiền thuế đất	-	190.968.838	190.968.838	-
Các loại thuế khác	-	111.725.310	111.725.310	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>b) Phải thu</b>	<b>1.934.684.555</b>	<b>40.310.158.497</b>	<b>41.972.530.203</b>	<b>3.597.056.261</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	154.956.163	33.499.200.394	33.344.244.231	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.779.728.392	6.810.958.103	8.628.285.972	3.597.056.261

**• Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10% đối với hàng gia công, hàng bán trong nước (năm 2025 được giảm còn 8%) và 0% đối với hàng gia công xuất khẩu.

**• Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8

**• Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo quy định hiện hành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Chi phí tiền hoa hồng môi giới	-	287.392.209
Chi phí đào Tạo	-	725.798.492
Chi phí khác	2.215.970.600	434.219.981
<b>Cộng</b>	<b>2.215.970.600</b>	<b>1.447.410.682</b>

**15. Phải trả khác**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>13.204.530.327</b>	<b>9.924.010.976</b>
Kinh phí công đoàn	-	-
Phải nộp BHXH	-	-
Phải trả thuế TNCN	3.854.016.624	2.393.876.387
Phải trả cổ tức	7.740.096.075	6.275.346.075
<i>Phải trả cổ tức Tổng Công ty CP May Việt Tiến (*)</i>	<i>3.737.812.500</i>	<i>416.346.075</i>
<i>Phải trả cổ tức Quỹ Đầu tư PT tỉnh Đồng Nai (*)</i>	<i>3.585.937.500</i>	<i>2.990.250.000</i>
<i>Phải trả cổ tức cá nhân</i>	<i>416.346.075</i>	<i>2.868.750.000</i>
Phải trả lãi vay	14.693.000	65.218.000
<i>Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (*)</i>	<i>14.693.000</i>	<i>65.218.000</i>
Các khoản phải trả khác	1.595.724.628	1.189.570.514
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.226.530.500</b>	<b>1.188.121.500</b>
Nhận tiền cọc cho thuê chuyên may	1.226.530.500	1.188.121.500
<b>Cộng</b>	<b>14.431.060.827</b>	<b>11.112.132.476</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (*)</b>	<b>7.338.443.000</b>	<b>3.471.814.075</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN**  
Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**16. Vay và nợ thuê tài chính**

	Đơn vị tính: VND					
	Đầu năm		Trong năm		Cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngân hạn	329.252.527.585	329.252.527.585	1.354.146.927.685	1.445.279.125.110	238.120.330.160	238.120.330.160
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	312.633.635.597	312.633.635.597	1.349.728.927.685	1.428.660.233.122	233.702.330.160	233.702.330.160
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (i)	157.437.836.368	157.437.836.368	789.325.097.145	830.054.995.543	116.707.937.970	116.707.937.970
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa (ii)	123.328.592.029	123.328.592.029	364.602.631.690	419.725.049.579	68.206.174.140	68.206.174.140
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh TP.HCM (iii)	31.867.207.200	31.867.207.200	195.801.198.850	178.880.188.000	48.788.218.050	48.788.218.050
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	16.618.891.988	16.618.891.988	4.418.000.000	16.618.891.988	4.418.000.000	4.418.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	-	-	-	-	-	-
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	16.618.891.988	16.618.891.988	4.418.000.000	16.618.891.988	4.418.000.000	4.418.000.000
b) Dài hạn	4.418.000.000	4.418.000.000	-	4.418.000.000	-	-
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (iv)	4.418.000.000	4.418.000.000	-	4.418.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>333.670.527.585</b>	<b>333.670.527.585</b>	<b>1.354.146.927.685</b>	<b>1.449.697.125.110</b>	<b>238.120.330.160</b>	<b>238.120.330.160</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn như sau:

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 2025115/HĐTD/QLN ngày 03 tháng 12 năm 2025 với hạn mức tín dụng là 250.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích vay để tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn của hợp đồng vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và 6 tháng cho từng khoản vay. Khoản vay này chịu lãi suất điều chỉnh theo Thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất áp dụng trong năm là 3,4%/năm - 3,7%/năm (năm 2024: 3,3%/năm - 3,8%/năm).

Khoản vay này Công ty sử dụng tài sản đảm bảo khoản vay là xưởng sản xuất hàng may mặc xuất khẩu thuộc sở hữu của Công ty được xây dựng và tạo lập trên thửa đất số 148, tờ bản đồ số 31, diện tích 32.993,7m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng đất 22/10/2065 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CV 388716 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02 tháng 7 năm 2020 đảm bảo khoản vay.

Giá trị tài sản đảm bảo trên được quy định là: 55.603.851.000 VND trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 2024005/HĐBĐ/QLN ngày 23 tháng 01 năm 2024. Hợp đồng thế chấp này có giá trị đảm bảo cho tất cả khoản vay của Công ty Cổ phần Đồng Tiến tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai trong vòng 20 năm kể từ ngày ký Hợp đồng thế chấp.

- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024/3202000/HĐTD ngày 19 tháng 9 năm 2024 với hạn mức vay là 160.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Hạn mức tín dụng được sử dụng chung cho các hình thức: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn của hợp đồng vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và 3 tháng cho từng khoản vay. Lãi suất cho vay được quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong kỳ, lãi suất áp dụng trong năm là 3,1%/năm - 3,9%/năm (năm 2024: 3,6%/năm - 4%/năm).

Khoản vay này được đảm bảo bằng Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CK 292673 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường đảm bảo khoản vay.

- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng cấp tín dụng số HCM.DN.2982.170724 ngày 25 tháng 7 năm 2024 với hạn mức vay là 100.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Hạn mức tín dụng được sử dụng chung cho các hình thức: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh trong và ngoài nước phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh: Sản xuất trang phục. Thời hạn của hợp đồng vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và 6 tháng cho từng khoản vay. Lãi suất cho vay được quy định trong từng Khế ước nhận nợ theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong kỳ, lãi suất áp dụng trong năm là 3,1%/năm - 3,7%/năm (năm 2024: 3,7%/năm)..

Công ty sử dụng toàn bộ các khoản phải thu luân chuyển thuộc quyền sở hữu hợp pháp đang hiện hữu hoặc hình thành trong tương lai đảm bảo cho khoản vay này.

- (iv) Công ty có các khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Đồng Nai theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng vay số 06/2016/HĐTD-TD ngày 27 tháng 6 năm 2016 với hạn mức là 80.000.000.000 VND. Thời hạn của Hợp đồng vay là 10 năm, thời gian ân hạn là 12 tháng với mức lãi suất 7%/năm. Mục đích của khoản vay này để đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu để di dời trụ sở tại Khu Công nghiệp Amata. Số tiền vay được trả hàng tháng là 741.000.000 VND, bắt đầu từ tháng 7 năm 2017.
- Hợp đồng vay số 01/2019/HĐTD-TD ngày 02 tháng 01 năm 2019 với hạn mức là 90.000.000.000 VND. Thời hạn của Hợp đồng vay là 8 năm, thời gian ân hạn là 6 tháng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

với mức lãi suất 7%/năm. Mục đích của khoản vay này để đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất hàng may mặc xuất khẩu công suất 1.900.000 sản phẩm/năm tại thị trấn Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Số tiền vay được trả hàng tháng là 1.000.000.000 VND, bắt đầu từ tháng 7 năm 2019.

Các khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Đồng Nai được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	4.418.000.000	16.618.891.988
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	-	4.418.000.000
Sau 5 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.418.000.000</b>	<b>21.036.891.988</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(4.418.000.000)	(16.618.891.988)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>-</b>	<b>4.418.000.000</b>

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

*Đơn vị tính: VND*

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ khen thưởng theo hiệu quả	Cộng
<b>Đầu năm trước</b>	<b>931.722.579</b>	<b>-</b>	<b>71.913.721</b>
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	7.961.388.284	3.715.314.533	11.676.702.817
Thu khác trong năm	-	-	-
Chi trong năm	(1.749.904.638)	-	(1.749.904.638)
<b>Cuối năm trước</b>	<b>7.143.206.225</b>	<b>3.643.400.812</b>	<b>10.786.607.037</b>
<b>Đầu năm nay</b>	<b>7.143.206.225</b>	<b>3.643.400.812</b>	<b>10.786.607.037</b>
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	21.226.261.494	9.905.588.697	31.131.850.191
Thu khác trong năm	-	-	-
Chi trong năm	(3.016.809.511)	(1.321.862.094)	(4.338.671.605)
<b>Cuối năm nay</b>	<b>25.352.658.208</b>	<b>12.227.127.415</b>	<b>37.579.785.623</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**18. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Đầu năm trước</b>	<b>57.374.840.000</b>	<b>40.646.456.512</b>	<b>79.222.360.555</b>	<b>177.243.657.067</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	53.075.921.893	53.075.921.893
Trích lập các quỹ	-	5.307.592.189	(16.984.295.006)	(11.676.702.817)
Chia cổ tức	-	-	(20.081.194.000)	(20.081.194.000)
<b>Cuối năm trước</b>	<b>57.374.840.000</b>	<b>45.954.048.701</b>	<b>95.232.793.442</b>	<b>198.561.682.143</b>
<b>Đầu năm nay</b>	<b>57.374.840.000</b>	<b>5.954.048.701</b>	<b>95.232.793.442</b>	<b>198.561.682.143</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	141.508.409.958	141.508.409.958
Trích lập các quỹ	-	14.150.840.996	(45.282.691.187)	(31.131.850.191)
Chia cổ tức	-	-	(31.556.162.000)	(31.556.162.000)
<b>Cuối năm nay</b>	<b>57.374.840.000</b>	<b>60.104.889.697</b>	<b>159.902.350.213</b>	<b>277.382.079.910</b>

Trong năm, Công ty thực hiện chia cổ tức cho cổ đông năm 2025 với tỷ lệ 25%/vốn điều lệ theo Nghị quyết số NQ05/NQ-HDQT ngày 18/11/2025 của HĐQT.

Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế trong năm theo Điều lệ của Công ty với tỷ lệ như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển 10% từ lợi nhuận sau thuế;
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi 15% từ lợi nhuận sau thuế;
- Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành, quản lý 7% từ lợi nhuận sau thuế.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm		Đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	14.951.250.000	26,06%	14.951.250.000	26,06%
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	14.343.750.000	25,00%	14.343.750.000	25,00%
Các cổ đông khác	28.079.840.000	48,94%	28.079.840.000	48,94%
<b>Cộng</b>	<b>57.374.840.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>57.374.840.000</b>	<b>100,00%</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	57.374.840.000	57.374.840.000
Vốn tăng trong năm	-	-
Vốn giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	57.374.840.000	57.374.840.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	31.556.162.000	20.081.194.000

**d) Cổ phiếu**

	Cuối năm Cổ phiếu	Đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.737.484	5.737.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.737.484	5.737.484
- Cổ phiếu phổ thông	5.737.484	5.737.484
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.737.484	5.737.484
- Cổ phiếu phổ thông	5.737.484	5.737.484
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (mười nghìn đồng).

**19. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

*Ngoại tệ*

	Đơn vị tính	Cuối năm	Đầu năm
Đô la Mỹ	USD	5.084.727,06	5.853.651,27

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu sản xuất, gia công sản phẩm dệt may	2.082.166.940.071	1.848.665.391.649
Doanh thu hoạt động khác	3.637.253.414	19.780.041.030
<b>Cộng</b>	<b>2.085.804.193.485</b>	<b>1.868.445.432.679</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	-	2.098.743.546
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	717.239.800	973.996.238
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	-	14.134.610.983
<b>Cộng</b>	<b>717.239.800</b>	<b>17.207.350.767</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn sản xuất, giá công sản phẩm dệt may	1.713.684.282.633	1.606.636.653.957
Giá vốn hoạt động khác	45.791.980	22.019.853.010
<b>Cộng</b>	<b>1.713.730.074.613</b>	<b>1.628.656.506.967</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.076.440	133.144.382
Lãi cho vay	957.150.684	1.014.772.602
Lãi chênh lệch tỷ giá	33.866.621.713	41.238.227.913
<b>Cộng</b>	<b>34.832.848.837</b>	<b>42.386.144.897</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	10.873.919.930	13.845.732.520
Dự phòng lỗ đầu tư tài chính	265.045.811	180.730.134
Lỗ chênh lệch tỷ giá	17.006.518.938	26.885.958.044
Chi phí tài chính khác	-	176
<b>Cộng</b>	<b>28.145.484.679</b>	<b>40.912.420.874</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	65.936.982.318	56.109.041.570
Chi phí nhân công	523.734.771	144.703.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.179.969.730	3.169.179.462
Chi phí khác bằng tiền	8.485.580.285	8.974.776.140
<b>Cộng</b>	<b>78.126.267.104</b>	<b>68.397.700.902</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	94.048.702.005	76.740.293.201
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.791.373.252	4.237.163.282
Chi phí khấu hao	2.568.080.458	2.184.217.194
Thuế, phí và lệ phí	468.015.872	502.369.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.045.082.699	4.772.394.648
Chi phí khác bằng tiền	16.061.878.190	14.194.216.881
<b>Cộng</b>	<b>123.983.132.476</b>	<b>102.630.654.910</b>

**7. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.110.985.561</b>	<b>7.987.651.042</b>
Lãi thanh lý TSCĐ	150.505.051	4.941.686.944
Thu từ thanh lý phế liệu	536.259.256	324.000.000
Thuê mái nhà	555.555.556	555.555.556
Thu nhập khác	868.665.698	2.166.408.542
<b>Chi phí khác</b>	<b>-</b>	<b>11.785.028.680</b>
Dự phòng chi phí cháy kho nguyên liệu	-	11.120.077.445
Lỗ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	602.345.485
Chi phí khác	-	62.605.750

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>178.763.069.011</b>	<b>66.436.916.285</b>
<i>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:</i>	<i>7.510.226.246</i>	<i>(20.846.692.257)</i>
Cộng: Các khoản chi phí không tính thuế	7.510.226.246	3.943.070.628
+ <i>Thù lao HĐQT</i>	<i>3.510.919.673</i>	<i>2.644.485.597</i>
+ <i>Khấu hao xe trên 1 tỷ 6</i>	<i>696.239.546</i>	<i>696.239.546</i>
+ <i>Lỗ CLTG cuối kỳ năm nay</i>	<i>1.032.888.581</i>	-
+ <i>Hoàn nhập lãi CLTG cuối kỳ năm trước</i>	<i>2.270.178.446</i>	-
+ <i>Phạt truy thu</i>	-	<i>602.345.485</i>
Trừ: Thu nhập không tính thuế	-	<i>(24.789.762.885)</i>
+ <i>Hoàn nhập lỗ CLTG cuối kỳ năm trước</i>	-	<i>(1.304.836.501)</i>
+ <i>Lãi CLTG cuối kỳ năm nay</i>	-	<i>(2.270.178.446)</i>
+ <i>Chi phí hóa hoạn</i>	-	<i>(21.214.747.938)</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>186.273.295.257</b>	<b>45.590.224.028</b>
Thuế suất áp dụng	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>37.254.659.053</b>	<b>9.118.044.805</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	141.508.409.958	53.075.921.893
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<i>(31.131.850.191)</i>	<i>(11.676.702.817)</i>
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	<i>31.131.850.191</i>	<i>11.676.702.817</i>
+ <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>31.131.850.191</i>	<i>11.676.702.817</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	110.376.559.767	41.399.219.076
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<i>5.737.484</i>	<i>5.737.484</i>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>19.238</b>	<b>7.216</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>19.238</b>	<b>7.216</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	611.566.044.977	652.534.846.729
Chi phí nhân công	679.140.766.023	553.924.544.179
Chi phí khấu hao	23.950.208.694	33.746.228.002
Chi phí dự phòng	3.528.061.828	11.548.731.823
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.256.100.859	24.757.558.763
Chi phí bằng tiền khác	569.961.154.555	531.839.621.215
<b>Cộng</b>	<b>1.915.402.336.936</b>	<b>1.808.351.530.711</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay phải trả	14.693.000	65.218.000
Cổ tức phải trả	(7.323.750.000)	-
Phải trả tiền mua sắm tài sản	4.752.537.310	1.444.900.000

**2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức phải trả năm trước đã trả trong năm	3.406.596.075	-
Tiền mua sắm tài sản nợ năm trước trả trong năm nay	1.444.900.000	1.311.463.300

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

**1.1 Danh mục các bên liên quan**

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	Cổ đồng
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	Cổ đồng
Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	Công ty liên kết
Công ty TNHH May Đồng Phú Cường	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	Đầu tư dài hạn khác

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**1.2 Giao dịch với bên liên quan**

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	Cổ đông	Chia cổ tức	8.223.187.500	5.232.937.500
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	Cổ đông	Chia cổ tức	7.889.062.500	5.020.312.500
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	Công ty liên kết	Bán hàng	717.239.800	945.832.273
		Chi hộ (tiền xăng, phí xuất, nhập hàng)	-	370.336.196
		Thu tiền bồi thường hàng thành phẩm	-	117.523.211
		Lãi cho vay	-	1.014.772.602

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	
			Cuối năm	Đầu năm
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	Cổ đông	Phải trả cổ tức	(3.737.812.500)	(416.346.075)
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	Cổ đông	Phải trả cổ tức	(3.585.937.500)	(2.990.250.000)
		Vay dài hạn	(4.418.000.000)	(21.036.891.988)
		Phải trả lãi vay	(14.693.000)	(65.218.000)
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	Công ty liên kết	Phải thu tiền chi hộ, cho thuê máy móc thiết bị	84.678.258	12.994.081.726
		Cho vay ngắn hạn	18.000.000.000	23.000.000.000
		Phải trả tiền mua hàng	(34.207.167.444)	(41.871.382.732)

**1.3 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Thu nhập của thành viên chủ chốt trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng quản trị	2.596.436.022	2.242.841.858
Ban kiểm soát	797.816.449	452.849.853
Ban Tổng Giám đốc	10.625.484.161	8.029.515.412
<b>Cộng</b>	<b>10.725.207.123</b>	<b>10.725.207.123</b>

**2. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính riêng nội bộ của Công ty.

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, gia công sản phẩm dệt may nên không trình bày báo cáo bộ phận.

**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền	139.268.898.146	-	150.302.301.258	-
Phải thu của khách hàng	351.469.968.514	-	375.315.535.602	-
Phải thu về cho vay	18.000.000.000	-	23.000.000.000	-
Phải thu khác	753.521.079	-	13.877.462.452	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>511.492.387.739</b>	<b>-</b>	<b>564.495.299.312</b>	<b>-</b>

*Đơn vị tính: VND*

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	131.503.065.683	147.285.647.289
Chi phí phải trả	2.215.970.600	1.447.410.682
Phải trả khác	10.577.044.203	8.718.256.089
Các khoản vay	238.120.330.160	333.670.527.585
<b>Cộng</b>	<b>382.416.410.646</b>	<b>491.121.841.645</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**4. Tài sản đảm bảo**

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng đã được trình bày tại Thuyết minh V16.

**5. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng, cụ thể ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, tiến hành phân tích tuổi nợ, đánh giá tổn thất nợ phải thu do không có khả năng thu hồi và đồng thời xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi tại ngày Báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**6. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Đơn vị tính: VND*

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
<b>31/12/2025</b>	<b>382.416.410.646</b>	-	<b>382.416.410.646</b>
Phải trả người bán	131.503.065.683	-	131.503.065.683
Chi phí phải trả	2.215.970.600	-	2.215.970.600
Phải trả khác	10.577.044.203	-	10.577.044.203
Các khoản vay	238.120.330.160	-	238.120.330.160
<b>01/01/2025</b>	<b>486.703.841.645</b>	<b>4.418.000.000</b>	<b>491.121.841.645</b>
Phải trả người bán	147.285.647.289	-	147.285.647.289
Chi phí phải trả	1.447.410.682	-	1.447.410.682
Phải trả khác	8.718.256.089	-	8.718.256.089
Các khoản vay	329.252.527.585	4.418.000.000	333.670.527.585

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

**7. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là gia công sản phẩm dệt may do đó Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự thay đổi về giá của hàng hóa, nguyên vật liệu trên thị trường.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

**8. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Doanh nghiệp kiểm toán khác.





Trên đây là toàn văn Báo cáo thường niên 2025 của Công ty cổ phần Đồng Tiến, được công bố đến quý cổ đông và các bên liên quan theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Các TV.HĐQT, BKS, Ban TGD;
- UB.CKNN (SSC) – b/c;
- Niêm yết Website của UB.CKNN: [www.ssc.gov.vn](http://www.ssc.gov.vn);
- Niêm yết Website của Cty: [www.dovitec.com.vn](http://www.dovitec.com.vn);
- Lưu VT, P.TCKT, Thư ký TCty.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Hoàng**